

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE (Năm 2025)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- The State Securities Commission;
- Ha Noi Stock Exchange.

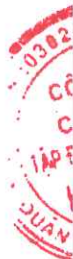
- Tên công ty/Name of company: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH/ HOA BINH CONSTRUCTION GROUP JOINT STOCK COMPANY**
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: **235 Võ Thị Sáu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh/ 235 Vo Thi Sau Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City**
- Điện thoại/Telephone: **(+84.28) 3932 5030** - Fax: **(+84.28) 3932 522**  
Email: **[info@hbcg.vn](mailto:info@hbcg.vn)**
- Vốn điều lệ/Charter capital: **3.472.132.700.000 đồng/ 3,472,132,700,000 VNĐ**
- Mã chứng khoán/Stock symbol: **HBC**
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: **Theo khoản a, Điều 137 Luật Doanh Nghiệp 2020/ According to Clause a, Article 137 Law on Enterprise 2020**  
+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Supervisory Board, General Director
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: **Đã thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented.**

### **I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết<br>Resolution No. | Ngày<br>Date                               | Nội dung<br>Content                                                                                                                  |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 01/2025/NQ-<br>ĐHCĐ.HBC         | 25/4/2025<br>April 25 <sup>th</sup> , 2025 | Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2024 |

|   |                     |                                            |                                                                                                                                                                                                                              |
|---|---------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                     |                                            | Approve the Report of Board of Directors (BOD) and Board of Management on business results and profit distribution in 2024                                                                                                   |
|   |                     |                                            | Thông qua Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025 – Phân phối lợi nhuận năm 2025                                                                                                                                              |
|   |                     |                                            | Approve the business plan in 2025 - Distribution of profits for the fiscal year 2025                                                                                                                                         |
|   |                     |                                            | Thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty                                                                                                                                                         |
|   |                     |                                            | Approval of the change in the Company's organizational, management and operational model                                                                                                                                     |
|   |                     |                                            | Thông qua thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025                                                                                                                                                                |
|   |                     |                                            | Approve the remuneration of the BOD, Supervisory Board in 2025                                                                                                                                                               |
|   |                     |                                            | Thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2025 của Công ty                                                                                                                                               |
|   |                     |                                            | Approval of the plan for offering shares to increase the Company's charter capital in 2025                                                                                                                                   |
|   |                     |                                            | Thông qua Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi và Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát                                                                                 |
|   |                     |                                            | Approval of the amended Charter, the amended Internal Regulations on Corporate Governance, the amended Regulations on the operation of the Board of Directors, and the Regulations on the operation of the Supervisory Board |
|   |                     |                                            | Thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025                                                                                                                                            |
|   |                     |                                            | Approval of the selection of the auditor for the Company's financial statements for the fiscal year 2025.                                                                                                                    |
|   |                     |                                            | Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2029 (theo phương thức bầu dồn phiếu)                                                                                                                               |
|   |                     |                                            | Approval of the results of the election of members of the Board of Directors for the 2025–2029 term (conducted under the cumulative voting method)                                                                           |
|   |                     |                                            | Thông qua kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát (theo phương thức bầu dồn phiếu)                                                                                                                                           |
|   |                     |                                            | Approval of the results of the election of members of the Supervisory Board (conducted under the cumulative voting method)                                                                                                   |
| 2 | 02/2025/NQ-ĐHCD.HBC | 25/4/2025<br>April 25 <sup>th</sup> , 2025 | Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty                                                                                                                                                                    |
|   |                     |                                            | Approval of the addition of the Company's business lines and business activities                                                                                                                                             |
|   |                     |                                            | Thông qua việc giao triển khai bổ sung ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                |





|  |  |  |                                                                                                             |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | Approval of the assignment for the implementation of the addition of business lines and business activities |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. Hội đồng quản trị / Board of Directors:

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị ("TV HĐQT")/Information about the members of the Board of Directors:

| Stt No. | Thành viên HĐQT<br>Board of Directors' members | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)/ Position<br>(Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                                      |
|---------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|         |                                                |                                                                                                                                                                         | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                                                                            | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1       | Ông Lê Viết Hải                                | Chủ tịch HĐQT                                                                                                                                                           | 25/4/2025                                                                                                                       |                                      |
|         | Mr. Le Viet Hai                                | Chairman of the BOD                                                                                                                                                     | April 25 <sup>th</sup> , 2025                                                                                                   |                                      |
| 2       | Ông Lê Viết Hiếu                               | Phó Chủ tịch HĐQT                                                                                                                                                       | 25/4/2025                                                                                                                       |                                      |
|         | Mr. Le Viet Hieu                               | Vice Chairman                                                                                                                                                           | April 25 <sup>th</sup> , 2025                                                                                                   |                                      |
| 3       | Bà Nguyễn Thị Luyệt                            | Phó Chủ tịch HĐQT<br>(Thành viên HĐQT độc lập)                                                                                                                          | 25/4/2025                                                                                                                       |                                      |
|         | Mrs. Nguyen Thi Luot                           | Vice Chairwoman<br>(Independent member)                                                                                                                                 | April 25 <sup>th</sup> , 2025                                                                                                   |                                      |
| 4       | Ông Nguyễn Tường Bảo                           | Thành viên HĐQT độc lập                                                                                                                                                 | 25/4/2025                                                                                                                       |                                      |
|         | Mr. Nguyen Tuong Bao                           | Independent member of the Board of Directors                                                                                                                            | April 25 <sup>th</sup> , 2025                                                                                                   |                                      |
| 5       | Ông Lê Văn Nam                                 | Thành viên HĐQT                                                                                                                                                         | 25/4/2025                                                                                                                       |                                      |
|         | Mr. Le Van Nam                                 | Member of the BOD                                                                                                                                                       | April 25 <sup>th</sup> , 2025                                                                                                   |                                      |
| 6       | Bà Vũ Thị Hòa                                  | Thành viên HĐQT độc lập                                                                                                                                                 | 27/6/2023                                                                                                                       | 25/4/2025                            |
|         | Mrs. Vu Thi Hoa                                | Independent member of the Board of Directors                                                                                                                            | June 27 <sup>th</sup> , 2023                                                                                                    | April 25 <sup>th</sup> , 2025        |
| 7       | Ông Nguyễn Kinh Luân                           | Thành viên HĐQT                                                                                                                                                         | 25/4/2025                                                                                                                       |                                      |
|         | Mr. Jerry Nguyen                               | Member of the BOD                                                                                                                                                       | April 25 <sup>th</sup> , 2025                                                                                                   |                                      |

### 2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt No. | Thành viên HĐQT/<br>Board of Director' member | Số buổi họp HĐQT tham dự/<br>Number of meetings attended by Board of Directors | Tỷ lệ tham dự họp/<br>Attendance rate | Lý do không tham dự họp/Reasons for absence |
|---------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1       | Ông Lê Viết Hải<br>Mr. Le Viet Hai            | 29/29                                                                          | 100%                                  |                                             |
| 2       | Ông Lê Viết Hiếu<br>Mr. Le Viet Hieu          | 29/29                                                                          | 100%                                  |                                             |
| 3       | Bà Nguyễn Thị Luyệt<br>Mrs. Nguyen Thi Luot   | 29/29                                                                          | 100%                                  |                                             |
| 4       | Ông Nguyễn Tường Bảo<br>Mr. Nguyen Tuong Bao  | 28/29                                                                          | 96,43%                                | Bận công tác nước ngoài/ Busy schedule      |



|   |                                                 |       |        |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---|-------------------------------------------------|-------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5 | Ông Lê Văn Nam<br><i>Mr. Le Van Nam</i>         | 22/29 | 75,86% | 1. Bận công tác / <i>Busy schedule</i><br>2. Từ ngày 31/10/2025, Anh Lê Văn Nam gửi đơn từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT / <i>Effective from 31 October 2025, Mr. Le Van Nam submitted the resignation from the position of Member of the Board of Directors</i> |
| 6 | Bà Vũ Thị Hòa<br><i>Mrs. Vu Thi Hoa</i>         | 06/06 | 100%   | Hết nhiệm kỳ vào ngày 25/4/2025<br><i>Term of BOD ending on April 25<sup>th</sup>, 2025</i>                                                                                                                                                                      |
| 7 | Ông Nguyễn Kinh Luân<br><i>Mr. Jerry Nguyen</i> | 23/23 | 100%   | Bắt đầu nhiệm kỳ vào ngày 25/4/2025/<br><i>Term of BOD commencing on April 25<sup>th</sup>, 2025</i>                                                                                                                                                             |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:** Định kỳ hàng quý/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors: Quarterly period*

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Điều hành khi triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT như sau:

*In 2025, the Board of Directors monitored the Executive Board's activities in implementing the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors as follows:*

HĐQT có 06 thành viên thì ngoài Chủ tịch, có 03 thành viên là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc thường trực và Phó Tổng Giám đốc. Do vậy các thành viên HĐQT kết hợp rất chặt chẽ với Ban điều hành ("BDH"), nắm rõ tình hình hoạt động của Tập đoàn để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp BDH hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao phó. Từ sự sát sao đó, HĐQT đánh giá kế hoạch hành động, các giải pháp triển khai kế, các kịch bản quản trị rủi ro, ứng phó ... có phù hợp với thực tế hay chưa để từ đó đưa ra các khuyến nghị mang tính thực tiễn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, phù hợp với bối cảnh thị trường hiện nay. HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và không định kỳ theo nhu cầu tùy vào tình hình thực tế nhằm kịp thời đáp ứng tốt nhất cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tuân thủ quy định của pháp luật.

*The Board of Directors has 6 members, including the Chairman, the General Director, the Permanent Deputy General Director, and the Deputy General Director. Therefore, the members of the Board of Directors work very closely with the Executive Board, understanding the Group's operational situation to make practical recommendations to help the Executive Board successfully fulfill the tasks assigned by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors. Through this close monitoring, the Executive Board assesses whether the action plan, implementation solutions, risk management scenarios, and response plans are appropriate to the reality, and from there, makes practical recommendations for the organization's production and business activities, in line with the current market context. The Board of Directors issues resolutions following regular and irregular meetings as needed, depending on the actual situation, in order to best meet the Group's business needs and comply with legal regulations.*

Thông qua các cuộc họp của HĐQT và cả của BDH, HĐQT còn hỗ trợ BDH qua việc cung cấp nhận định tình hình thị trường để từ đó giúp BDH rà soát lại kế hoạch kinh doanh và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT để BDH có cơ sở triển khai thực hiện. HĐQT tiếp tục tăng cường hoạt động quản trị rủi ro thông qua việc triển khai hoạt động của Ban Kiểm soát để cung cấp các ý kiến độc lập đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (đặc biệt là các đề xuất đầu tư của BDH).

*Through meetings of the Board of Directors and the Management Board, the Board of Directors also supports the Management Board by providing market situation assessments to help*



*the Management Board review the business plan and other matters within the Board's approval authority, providing a basis for the Management Board to implement. The Board of Directors continues to strengthen risk management activities through the operation of the Supervisory Board to provide independent opinions on the company's production and business activities (especially investment proposals of the Management Board).*

Căn cứ Điều lệ, những quy chế và quy định đã ban hành, HĐQT giao quyền cho BDH quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Bên cạnh đó, BDH đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động mà HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

*Based on the Charter and the regulations and rules issued, the Board of Directors delegates the authority to the Executive Board to decide on the Company's daily business operations. In addition, the Executive Board simultaneously organizes the implementation of decisions, business plans, and operational directions assigned by the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders.*

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá BDH đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Theo đó, BDH đã nỗ lực triển khai các giải pháp kinh doanh năm 2025 do ĐHĐCĐ phê duyệt, nhất là các giải pháp nhằm tăng vốn chủ sở hữu như đã đề trình tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/4/2025, đồng thời BDH đã cố gắng thực hiện thật tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty. Tuy nhiên, BDH cần tập trung hơn nữa giải quyết vấn đề kiểm soát rủi ro nhằm tối ưu hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*Through a mechanism of inspection and supervision involving quarterly reports on business performance and company operations, as well as ad hoc reports upon request, the Board of Directors assesses that the Management Board has exercised its assigned rights and duties in accordance with current laws, the Company Charter, and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors. The Management Board has also exercised its assigned rights and duties honestly and carefully, ensuring the maximum legitimate interests of the Company and its shareholders. Accordingly, the Management Board has strived to implement the 2025 business solutions approved by the General Meeting of Shareholders, especially those aimed at increasing equity capital as presented at the annual General Meeting of Shareholders on April 25<sup>th</sup>, 2025. Furthermore, the Management Board has endeavored to build a business environment based on sustainable development and improve corporate governance. However, the management board needs to focus more on addressing risk control issues in order to further optimize the company's production and business performance.*

#### **4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có/N/A**

#### **5. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Resolutions of the Board of Directors:**

| Stt No. | Số Nghị quyết/<br>Resolution No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                   | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|---------|----------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1       | 01.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 28/2/2025    | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025<br><i>Approval of the plan for organizing the Annual General Meeting of Shareholders in 2025</i> | 100.00%                          |
| 2       | 01.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 28/2/2025    | Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc - Ông Lê Văn Viên<br><i>Approval of the dismissal from the position of Deputy</i>                                 | 100.00%                          |



| Stt No. | Số Nghị quyết/<br>Resolution No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ thông<br>qua<br>Approval rate |
|---------|----------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|         |                                  |              | General Director – Mr. Le Van Vien                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                     |
| 3       | 01.3/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 28/2/2025    | Thông qua việc bổ nhiệm Ông Huỳnh Tấn Quốc giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc<br><i>Approval of the appointment of Mr. Huynh Tan Quoc to the position of Deputy General Director</i>                                                                                                                                                                   | 100.00%                             |
| 4       | 02/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 27/3/2025    | Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025<br><i>Approval of the business plan for the year 2025</i>                                                                                                                                                                                                                                                  | 100.00%                             |
| 5       | 03/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 03/4/2025    | Thông qua dự thảo Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025<br><i>Approval of the draft submission to the Annual General Meeting of Shareholders for the year 2025</i>                                                                                                                                                                   | 100.00%                             |
| 6       | 04.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 21/4/2025    | Thông qua việc bổ sung vấn đề vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025<br><i>Approval of the addition of items to the agenda of the Annual General Meeting of Shareholders for the year 2025</i>                                                                                                                            | 100.00%                             |
| 7       | 04.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 21/4/2025    | Thông qua việc chuyển nhượng bất động sản<br><i>Approval of the transfer of real estate</i>                                                                                                                                                                                                                                                       | 100.00%                             |
| 8       | 05/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 24/4/2025    | Thông qua việc chuyển nhượng 100% phần vốn góp của công ty con tại một công ty khác<br><i>Approval of the transfer of 100% of the capital contribution of a subsidiary in another company</i>                                                                                                                                                     | 100.00%                             |
| 9       | 06.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 25/4/2025    | Thông qua việc bổ nhiệm ông Lê Viết Hải – Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị<br><i>Approval of the appointment of Mr. Le Viet Hai – Member of the Board of Directors – to the position of Chairman of the Board of Directors</i>                                                                                 | 100.00%                             |
| 10      | 06.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 25/4/2025    | Thông qua việc bổ nhiệm ông Lê Viết Hiếu – Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội đồng quản trị<br><i>Approval of the appointment of Mr. Le Viet Hieu – Member of the Board of Directors – to the position of Vice Chairman of the Board of Directors</i>                                                                      | 100.00%                             |
| 11      | 06.3/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 25/4/2025    | Thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Lượ – Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội đồng quản trị<br><i>Approval of the appointment of Ms. Nguyen Thi Luot – Member of the Board of Directors – to the position of Vice Chairwoman of the Board of Directors</i>                                                                | 100.00%                             |
| 12      | 07.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 12/5/2025    | Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC cho năm 2025<br><i>Approval of the selection of AFC Vietnam Auditing Company Limited as the firm to conduct the mid-year financial statements review and the audit of the financial statements for the year 2025</i> | 100.00%                             |



| Stt No. | Số Nghị quyết/<br>Resolution No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                        | Tỷ lệ thông<br>qua<br>Approval rate |
|---------|----------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 13      | 07.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 12/5/2025    | Thông qua việc ban hành Sơ đồ tổ chức mới<br><i>Approval of the issuance of a new organizational chart</i>                                                                                 | 100.00%                             |
| 14      | 07.3/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 12/5/2025    | Thông qua việc chuyển nhượng bất động sản<br><i>Approval of the transfer of real estate</i>                                                                                                | 100.00%                             |
| 15      | 08/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 29/5/2025    | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                          | 100.00%                             |
| 16      | 09.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 03/6/2025    | Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc - Ông Huỳnh Tấn Quốc<br><i>Approval of the dismissal of Mr. Huynh Tan Quoc from the position of Deputy General Director</i>            | 100.00%                             |
| 17      | 09.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 03/6/2025    | Thông qua việc bổ nhiệm Ông Phạm Hồng Hà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc<br><i>Approval of the appointment of Mr. Pham Hong Ha to the position of Deputy General Director</i>                | 100.00%                             |
| 18      | 09.3/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 03/6/2025    | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                          | 100.00%                             |
| 19      | 10/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 20/6/2025    | Thông qua kế hoạch nhượng bán và thanh lý một số máy móc thiết bị và công cụ dụng cụ<br><i>Approval of the plan for the sale and liquidation of certain machinery, equipment and tools</i> | 100.00%                             |
| 20      | 11/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 01/7/2025    | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                          | 100.00%                             |
| 21      | 12/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 03/7/2025    | Thông qua việc chuyển nhượng dự án<br><i>Approval of the transfer of a project.</i>                                                                                                        | 100.00%                             |
| 22      | 13/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 07/7/2025    | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                          | 100.00%                             |
| 23      | 14/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 17/7/2025    | Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Công Thiện giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc<br><i>Approval of the appointment of Mr. Nguyen Cong Thien to the position of Deputy General Director</i>      | 100.00%                             |
| 24      | 15.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 14/8/2025    | Thông qua phương án nhận chuyển giao tài sản nhằm cân trừ công nợ<br><i>Approval of the plan for receiving transferred assets for the purpose of debt offsetting</i>                       | 100.00%                             |
| 25      | 15.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 14/8/2025    | Thông qua việc chuyển nhượng dự án<br><i>Approval of the transfer of a project.</i>                                                                                                        | 100.00%                             |
| 26      | 15.3/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 14/8/2025    | Thông qua việc chuyển nhượng dự án<br><i>Approval of the transfer of a project.</i>                                                                                                        | 100.00%                             |
| 27      | 15.4/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 14/8/2025    | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                          | 83.33%                              |
| 28      | 16/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 22/8/2025    | Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc - Ông Phạm Hồng Hà<br><i>Approval of the dismissal of Mr. Pham Hong Ha from</i>                                                        | 100.00%                             |



| Stt No. | Số Nghị quyết/<br>Resolution No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ thông<br>qua<br>Approval rate |
|---------|----------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|         |                                  |              | <i>the position of Deputy General Director</i>                                                                                                                                                                                                                |                                     |
| 29      | 17.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 29/8/2025    | Thông qua việc ban hành Sơ đồ tổ chức mới của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình<br><i>Approval of the issuance of a new organizational chart of Hoa Binh Construction Group Joint Stock Company</i>                                                  | 100.00%                             |
| 30      | 17.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 29/8/2025    | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                                                                                             | 100.00%                             |
| 31      | 18/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 05/09/2025   | Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính của Bà Nguyễn Kim Loan<br><i>Approval of the dismissal of Ms. Nguyen Kim Loan from the position of Chief Financial Officer</i>                                                                           | 100.00%                             |
| 32      | 19.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 08/9/2025    | Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Anh giữ chức vụ Giám đốc Tài chính<br><i>Approval of the appointment of Mr. Nguyen Duc Anh to the position of Chief Financial Officer.</i>                                                                             | 83.33%                              |
| 33      | 19.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 08/9/2025    | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                                                                                             | 83.33%                              |
| 34      | 20/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 11/9/2025    | Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc - Ông Đinh Văn Thanh<br><i>Approval of the dismissal of Mr. Dinh Van Thanh from the position of Deputy General Director.</i>                                                                              | 100.00%                             |
| 35      | 21/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 20/9/2025    | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                                                                                             | 83.33%                              |
| 36      | 22.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 06/10/2025   | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                                                                                             | 83.33%                              |
| 37      | 22.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 06/10/2025   | Thông qua việc chuyển nhượng dự án<br><i>Approval of the transfer of a project.</i>                                                                                                                                                                           | 83.33%                              |
| 38      | 23.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 22/10/2025   | Thông qua việc tiếp tục tái lý HĐLĐ với ông Nguyễn Kinh Luân – chức vụ: Phó Tổng giám đốc<br><i>Approval of the continuation of the labor contract re-signing with Mr. Nguyen Kinh Luan – position: Deputy General Director</i>                               | 100.00%                             |
| 39      | 23.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 22/10/2025   | Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Lâm Văn Trà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc<br><i>Approval of the appointment of Mr. Nguyen Lam Van Tra to the position of Deputy General Director.</i>                                                                      | 100.00%                             |
| 40      | 23.3/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 22/10/2025   | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                                                                                             | 100.00%                             |
| 41      | 24.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 31/10/2025   | Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình của Ông Lê Văn Nam<br><i>Approval of the dismissal of Mr. Le Van Nam from the position of General Director of Hoa Binh Construction Group Joint Stock Company.</i> | 100.00%                             |



| Stt No. | Số Nghị quyết/<br>Resolution No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ thông<br>qua<br>Approval rate |
|---------|----------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 42      | 24.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 31/10/2025   | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng<br><i>Approval of the receipt of credit facilities from a bank</i>                                                                                                             | 100.00%                             |
| 43      | 25.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 21/11/2025   | Thông qua việc ban hành Sơ đồ tổ chức mới của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình<br><i>Approval of the issuance of a new organizational chart of Hoa Binh Construction Group Joint Stock Company</i>                  | 100.00%                             |
| 44      | 25.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 21/11/2025   | Thông qua việc nhận chuyển nhượng dự án<br><i>Approval of the acquisition of a project</i>                                                                                                                                    | 100.00%                             |
| 45      | 26/2025/NQ-HĐQT.HBC              | 11/12/2025   | Thông qua việc chuyển nhượng dự án<br><i>Approval of the transfer of a project.</i>                                                                                                                                           | 100.00%                             |
| 46      | 27.1/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 31/12/2025   | Thông qua chủ trương thành lập Chi nhánh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình tại Israel<br><i>Approve the policy on the establishment of a branch of Hoa Binh Construction Group Joint Stock Company in Israel</i> | 100.00%                             |
| 47      | 27.2/2025/NQ-HĐQT.HBC            | 31/12/2025   | Thông qua chủ trương hợp tác<br><i>Approve the cooperation policy</i>                                                                                                                                                         | 100.00%                             |

### III. Ủy ban Kiểm toán /Audit Committee:

#### 1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Audit Committee:

| Stt No. | Thành viên Ủy ban Kiểm toán<br>Members of Audit Committee | Chức vụ<br>Position                                     | Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán<br>The date becoming to be the member of Audit Committee | Ngày kết thúc nhiệm kỳ Ủy ban Kiểm toán<br>End date of the term of the Audit Committee | Trình độ chuyên môn<br>Qualification                                                                                          |
|---------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | Ông Nguyễn Tường Bảo                                      | Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán     | 20/07/2021                                                                                           | 25/4/2025                                                                              | Cử nhân Tài chính - Đại học Concordia, Canada                                                                                 |
|         | Mr. Nguyen Tuong Bao                                      | Independent BOD member - Chairperson of Audit Committee | July 20 <sup>th</sup> , 2021                                                                         | April 25 <sup>th</sup> , 2025                                                          | Bachelor of Finance - Concordia University, Canada                                                                            |
| 2       | Bà Vũ Thị Hòa                                             | Thành viên HĐQT độc lập - Thành viên Ủy ban kiểm toán   | 20/07/2021                                                                                           | 25/4/2025                                                                              | - Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội;<br>- Cử nhân Hành chính - Học viện Hành chính Quốc gia                                  |
|         | Mrs. Vu Thi Hoa                                           | Independent BOD member - Member of Audit Committee      | July 20 <sup>th</sup> , 2021                                                                         | April 25 <sup>th</sup> , 2025                                                          | - Bachelor of Laws - Hanoi Law University.<br>- Bachelor of Public Administration - National Academy of Public Administration |

Từ ngày 25/4/2025, ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty sang mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

*Effective from 25<sup>th</sup> April, 2025 the General Meeting of Shareholders approved the change of the Company's organizational, management and operational model to the following structure: the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Supervisory Board, and the Director or General Director.*

**2. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát/ Information about members of Supervisory Board:**

| Stt No. | Thành viên Ban kiểm soát<br><i>Members of Supervisory Board</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                                     | Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán<br><i>The date becoming to be the member of Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                                                                                                                    |
|---------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | Bà Lê Thị Phương Uyên<br><i>Mrs. Le Thi Phuong Uyen</i>         | Trưởng Ban Kiểm soát<br><i>Head of Supervisory Board</i>       | 25/4/2025<br><i>April 25<sup>th</sup>, 2025</i>                                                             | Cử nhân Kinh tế - ngành Kế toán Tài chính - Đại học Kinh tế Tp.HCM<br><i>Bachelor of Economics in Financial Accounting - University of Economics Ho Chi Minh City</i>          |
| 2       | Bà Đỗ Thị Thanh Huyền<br><i>Mrs. Do Thi Thanh Huyen</i>         | Thành viên Ban Kiểm soát<br><i>Member of Supervisory Board</i> | 25/4/2025<br><i>April 25<sup>th</sup>, 2025</i>                                                             | Cử nhân Kinh tế - ngành Kế toán - Đại học Kinh tế và QTKD Đà Nẵng<br><i>Bachelor of Economics in Accounting - University of Economics and Business Administration, Da Nang</i> |
| 3       | Ông Nguyễn Gia Bảo<br><i>Mr. Nguyen Gia Bao</i>                 | Thành viên Ban Kiểm soát<br><i>Member of Supervisory Board</i> | 25/4/2025<br><i>April 25<sup>th</sup>, 2025</i>                                                             | Cử nhân Luật thương mại - Trường Đại học Luật Tp.HCM<br><i>Bachelor of Commercial Law - Ho Chi Minh City University of Law</i>                                                 |

**3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát /Meetings of Supervisory Board:**

| Stt No. | Thành viên Ban kiểm soát<br><i>Members of Supervisory Board</i> | Số buổi họp tham dự<br><i>Number of meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự họp<br><i>Reasons for absence</i> |
|---------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1       | Bà Lê Thị Phương Uyên<br><i>Mrs. Le Thi Phuong Uyen</i>         | 05/05                                                     | 100%                                        | 100%                                   |                                                       |
| 2       | Bà Đỗ Thị Thanh Huyền<br><i>Mrs. Do Thi Thanh Huyen</i>         | 05/05                                                     | 100%                                        | 100%                                   |                                                       |
| 3       | Ông Nguyễn Gia Bảo<br><i>Mr. Nguyen Gia Bao</i>                 | 05/05                                                     | 100%                                        | 100%                                   |                                                       |

**4. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Supervisory Board:**



- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính chính xác và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;  
*Review the reasonableness, legality, accuracy, and prudence in the management and operation of the Company's business activities;*
- Rà soát và thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và chính xác của báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty;  
*Review and assess the completeness, legality, and accuracy of the Company's business performance reports and financial statements;*
- Theo dõi và đánh giá tính độc lập, khách quan của công ty kiểm toán độc lập và hiệu quả của quá trình kiểm toán;  
*Monitor and evaluate the independence and objectivity of the external audit firm and the effectiveness of the audit process;*
- Rà soát các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;  
*Review contracts and transactions with related parties subject to approval by the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders;*
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;  
*Review, examine, and assess the effectiveness and efficiency of the Company's internal control system, and risk management framework;*
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;  
*Attend and participate in discussions at meetings of the Board of Directors and other meetings of the Company;*
- Giám sát việc Hội đồng quản trị triển khai thực hiện các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;  
*Supervise the implementation by the Board of Directors of resolutions adopted by the General Meeting of Shareholders;*
- Theo dõi việc ban hành và giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;  
*Monitor the issuance and supervise the implementation of resolutions of the Board of Directors;*
- Giám sát việc Ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.  
*Supervise the Executive Management in implementing resolutions of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders.*

**5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Board, the Board of Management, Board of Directors and other managers:***

Ban kiểm soát được cung cấp các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ban kiểm soát.

*Members of Supervisory Board are accessed documents regarding the Company's business activities, and discussing with members of the Board of Directors, the CEO, and the Chief Accountant to gather information.*

**6. Hoạt động khác của Ban kiểm soát (nếu có)/*Other activities of the Supervisory Board (if any):***

Không có/ N/A.

**IV. Ban điều hành/Board of Management:**

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/<br>Members of Board of Management      | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>Qualification                                                                                                    | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management |
|------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Lê Văn Nam -<br>Tổng Giám đốc                                | 18/12/1976                           | Kỹ sư Xây dựng – Đại học Bách khoa Tp.HCM                                                                                               | Bổ nhiệm ngày<br>01/6/2023<br>Miễn nhiệm kể từ ngày<br>31/10/2025                                                            |
|            | Mr. Le Van Nam - CEO                                             | December 18 <sup>th</sup> , 1976     | Civil Engineer - Ho Chi Minh City University of Technology                                                                              | Appointed on<br>June 01 <sup>st</sup> , 2023<br>Dismissal from<br>October 31 <sup>st</sup> , 2025                            |
| 2          | Ông Lê Viết Hiếu -<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Thường trực           | 12/12/1992                           | Cử nhân quản trị kinh doanh, chuyên môn Tài Chính Doanh Nghiệp, Đại học California Polytechnic State, San Luis Obispo, Hoa Kỳ           | Bổ nhiệm ngày<br>23/07/2022                                                                                                  |
|            | Mr. Le Viet Hieu -<br>Permanent Deputy<br>General Director       | December 12 <sup>th</sup> , 1992     | Bachelor of Business Administration, Specialization in Corporate Finance, California Polytechnic State University, San Luis Obispo, USA | Appointed on<br>July 23 <sup>th</sup> , 2022                                                                                 |
| 3          | Ông Nguyễn Khánh Hoàng - Phó Tổng Giám đốc                       | 10/9/1982                            | Kỹ sư Xây dựng – Đại học Bách khoa Tp.HCM                                                                                               | Bổ nhiệm ngày<br>01/6/2023                                                                                                   |
|            | Mr. Nguyen Khanh Hoang - Deputy General Director                 | September 10 <sup>th</sup> , 1982    | Civil Engineer - Ho Chi Minh City University of Technology                                                                              | Appointed on<br>June 01 <sup>st</sup> , 2023                                                                                 |
| 4          | Ông Đinh Văn Thanh -<br>Phó Tổng Giám đốc                        | 02/01/1975                           | Kỹ sư Cầu hầm – Đại học Giao thông vận tải Hà Nội                                                                                       | Bổ nhiệm ngày<br>17/8/2020<br>Miễn nhiệm kể từ ngày<br>11/9/2025                                                             |
|            | Mr. Dinh Van Thanh -<br>Deputy General Director                  | January 02 <sup>nd</sup> , 1975      | Tunnel Engineer - Hanoi University of Transport and Communications                                                                      | Appointed on<br>August 17 <sup>th</sup> , 2020<br>Dismissal from<br>September 11 <sup>th</sup> , 2025                        |
| 5          | Ông Lê Văn Viên -<br>Phó Tổng Giám đốc                           | 22/12/1983                           | Kỹ sư xây dựng – Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM                                                                                        | Bổ nhiệm ngày<br>01/05/2024<br>Miễn nhiệm ngày<br>01/3/2025                                                                  |
|            | Mr. Le Van Vien -<br>Deputy General Director                     | December 22 <sup>nd</sup> , 1983     | Civil Engineer - Ho Chi Minh City University of Technology                                                                              | Appointed on<br>May 01 <sup>st</sup> , 2024<br>Dismissal from<br>March 01 <sup>st</sup> , 2025                               |
| 6          | Ông Nguyễn Kinh Luân (Jerry Nguyen) -<br>Phó Tổng Giám đốc       | 02/11/1972                           | Tiến sĩ Xây dựng – Đại học Queensland, Úc                                                                                               | Bổ nhiệm ngày<br>01/11/2024                                                                                                  |
|            | Mr. Nguyen Kinh Luan (Jerry Nguyen) -<br>Deputy General Director | November 02 <sup>nd</sup> , 1972     | Doctor of Construction Engineering – The University of Queensland, Australia                                                            | Appointed on<br>November 01 <sup>st</sup> , 2024                                                                             |



|    |                                                        |                                  |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                     |
|----|--------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7  | Ông Huỳnh Tấn Quốc -<br>Phó Tổng Giám đốc              | 28/11/1982                       | Kỹ sư Xây dựng dân dụng –<br>Đại học Văn Lang Tp.HCM                                                                                                                                         | Bổ nhiệm ngày<br>01/3/2025<br>Miễn nhiệm ngày<br>04/6/2025                                          |
|    | Mr. Huynh Tan Quoc -<br>Deputy General<br>Director     | November 28 <sup>th</sup> , 1982 | Bachelor of Civil Engineering<br>– Van Lang University, Ho Chi<br>Minh City                                                                                                                  | Appointed on<br>March 01 <sup>st</sup> , 2025<br>Dismissal from<br>June 04 <sup>th</sup> , 2025     |
| 8  | Ông Phạm Hồng Hà -<br>Phó Tổng Giám đốc                | 28/11/1982                       | Thạc sĩ Xây dựng,<br>chuyên ngành Kết cấu bê<br>tông và bê tông ứng lực trước<br>– Viện nghiên cứu cao cấp<br>Xây dựng Paris, Cộng hòa<br>Pháp                                               | Bổ nhiệm ngày 04/6/2025<br>Miễn nhiệm kể từ ngày<br>01/09/2025                                      |
|    | Mr. Pham Hong Ha -<br>Deputy General<br>Director       | November 28 <sup>th</sup> , 1982 | Master's degree in<br>Construction Engineering,<br>major in Reinforced Concrete<br>and Prestressed Concrete<br>Structures – Advanced<br>Research Institute of<br>Construction, Paris, France | Appointed on<br>June 04 <sup>th</sup> , 2025<br>Dismissal from September<br>01 <sup>st</sup> , 2025 |
| 9  | Ông Nguyễn Công<br>Thiện - Phó Tổng<br>Giám đốc        | 12/11/1986                       | Kỹ sư xây dựng dân dụng và<br>công nghiệp – Đại học Kiến<br>trúc Tp.HCM                                                                                                                      | Bổ nhiệm ngày<br>01/08/2025                                                                         |
|    | Mr. Nguyen Cong<br>Thien - Deputy General<br>Director  | November 12 <sup>th</sup> , 1986 | Bachelor of Civil and<br>Industrial Construction<br>Engineering – Ho Chi Minh<br>City University of Architecture                                                                             | Appointed on<br>August 01 <sup>st</sup> , 2025                                                      |
| 10 | Ông Nguyễn Lâm Văn<br>Trà - Phó Tổng Giám<br>đốc       | 10/1/1986                        | Kỹ sư Xây dựng Công trình<br>dân dụng và Công nghiệp –<br>Đại học Kiến trúc Tp.HCM                                                                                                           | Bổ nhiệm ngày<br>01/11/2025                                                                         |
|    | Mr. Nguyen Lam Van<br>Tra - Deputy General<br>Director | January 10 <sup>th</sup> , 1986  | Bachelor of Civil and<br>Industrial Construction<br>Engineering – Ho Chi Minh<br>City University of Architecture                                                                             | Appointed on<br>November 01 <sup>st</sup> , 2025                                                    |

#### V. Kế toán trưởng/Chief Accountant:

| Họ và tên<br>Name     | Ngày tháng năm<br>sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>nghề nghiệp<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br>Date of appointment/ dismissal |
|-----------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Bà Lê Thị Thu Trang   | 22/12/1982                              | Cử nhân kế toán –<br>Đại học Sài Gòn                | Bổ nhiệm ngày 01/11/2024                                    |
| Mrs. Le Thi Thu Trang | December 22 <sup>nd</sup> , 1982        | Bachelor of Accounting –<br>Sai Gion University     | Appointed on November 01 <sup>st</sup> , 2024               |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Nhằm thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định, đảm bảo tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư, các thành viên Văn phòng Hội đồng quản trị đã tìm hiểu và tham gia các khóa đào tạo, hội thảo về Quản trị doanh nghiệp do các cơ quan ban ngành tổ chức để nâng cao, cập nhật kiến thức mới về Quản trị doanh



ngành, thực hiện tốt nhất công tác chuyên môn, đáp ứng công tác Quản trị doanh nghiệp bài bản, hiệu quả của HBC.

*In order to strictly comply with information disclosure obligations as prescribed by regulations, ensure transparency, and protect the legitimate rights and interests of shareholders and investors, members of the Office of the Board of Directors have proactively studied and participated in training courses and seminars on corporate governance organized by competent authorities. These activities aim to enhance and update knowledge of corporate governance, thereby improving professional performance and effectively meeting the requirements for a structured and efficient corporate governance framework of HBC.*

Một số chương trình đã tham gia: Hội thảo “Tuân thủ pháp luật chứng khoán và lưu ý các sai sót trong lập báo cáo tài chính”, Hội nghị “Phổ biến nội dung sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành, Hội thảo “Đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS)”, ....

*Some of the training programs I have participated in: the seminar “Compliance with Securities Laws and Common Issues in the Preparation of Financial Statements”, the conference “Dissemination of Amendments and Supplements to the Securities Law and Detailed Implementing Regulations”, and the seminar “Advanced Training on Awareness of the ASEAN Corporate Governance Scorecard (ACGS)”, etc...*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company:***

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company: Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm/Details as Appendix No.1 attached.*
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: Không có/ NA.*
3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không có/N/A.*
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects:*
  - 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm/Details as Appendix No.2 attached;*
  - 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm/Details as Appendix No.2 attached;*
  - 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring*



material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có/NA.

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/ Share transactions of internal persons and their affiliated persons:**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm/Details as Appendix No.3 attached.
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:

| Stt<br>No. | Người thực<br>hiện giao dịch<br>Transaction<br>executor | Quan hệ với người<br>nội bộ Relationship<br>with internal<br>persons | Số cổ phiếu sở hữu<br>đầu kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>beginning of the period |                     | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ / Number of<br>shares owned at the<br>end of the period |                     | Lý do tăng, giảm<br>(mua, bán, chuyển<br>đổi, thưởng...)<br>Reasons for<br>increasing,<br>decreasing (buying,<br>selling, converting,<br>rewarding, etc.) |
|------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                         |                                                                      | Số cổ phiếu<br>Number of<br>shares                                                        | Tỷ lệ<br>Percentage | Số cổ phiếu<br>Number of<br>shares                                                    | Tỷ lệ<br>Percentage |                                                                                                                                                           |
| 1          | Lê Văn Nam                                              | Thành viên HĐQT/<br>Tổng Giám đốc                                    | 623.700                                                                                   | 0,18%               | 0                                                                                     | 0,000%              | Giảm (Bán cổ phiếu)                                                                                                                                       |
|            | Le Van Nam                                              | BOD member/ CEO                                                      |                                                                                           |                     |                                                                                       |                     | Decreased (Sold share)                                                                                                                                    |
| 2          | Lê Viết Hiếu                                            | Phó Chủ tịch HĐQT/<br>Phó Tổng Giám đốc<br>thường trực               | 1.214.264                                                                                 | 0,35%               | 1.714.264                                                                             | 0,49%               | Tăng (Mua cổ phiếu)                                                                                                                                       |
|            | Le Viet Hieu                                            | Vice Chairman/<br>Permanent Deputy<br>General Director               |                                                                                           |                     |                                                                                       |                     | Increased (Buy share)                                                                                                                                     |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues**  
Không có/NA

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ As above
- Lưu/Archived: VP. HĐQT/ BOD's office

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
(Sign, full name and seal)



**LÊ VIẾT HẢI**

**PHỤ LỤC 1- DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY**  
**Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty số 01/2026/CV-HĐQT.HBC ngày 29/01/2026**

**APPENXIX 1- THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY**  
**Attached with Report on Corporate Governance 01/2026/CV-HĐQT.HBC dated January 29<sup>th</sup>, 2026**

| STT<br>No.                                                                                     | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan /Time of ending to be affiliated person | Lý do Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------------------------------|
| <b>I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ &amp; BAN KIỂM SOÁT/ THE BOARD OF DIRECTORS &amp; SUPERVISOR BOARD</b> |                                                        |                                                                                 |                                                                |                                                                             |                                               |                                                                                  |                                                                                   |               |                                                                  |
| 1                                                                                              | Ông. Lê Viết Hải                                       | 003C033235<br>tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI                               | Chủ tịch HĐQT                                                  |                                                                             |                                               | 1987                                                                             |                                                                                   |               | Người nội bộ                                                     |
|                                                                                                | Mr. Le Viet Hai                                        | 003C033235<br>at SSI<br>Securities Joint Stock Company                          | Chairman of the BOD                                            |                                                                             |                                               | 1987                                                                             |                                                                                   |               | Internal person                                                  |
| 2                                                                                              | Ông. Lê Viết Hiếu                                      | 004C029779<br>tại Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam                      | Phó Chủ tịch HĐQT                                              |                                                                             |                                               | 03/05/2019                                                                       |                                                                                   |               | Người nội bộ                                                     |



|   |                       |                                                                        |                                                    |  |  |                              |                               |  |                 |
|---|-----------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--|--|------------------------------|-------------------------------|--|-----------------|
|   | Mr. Le Viet Hieu      | 004C029779<br>at Yuanta<br>Securities<br>Vietnam<br>Limited<br>Company | Vice Chairman                                      |  |  | May 03 <sup>rd</sup> , 2019  |                               |  | Internal person |
| 3 | Ông. Nguyễn Tường Bảo |                                                                        | Thành viên HĐQT<br>độc lập                         |  |  | 21/06/2021                   |                               |  | Người nội bộ    |
|   | Mr. Nguyen Tuong Bao  |                                                                        | Independent member<br>of the Board of<br>Directors |  |  | June 21 <sup>st</sup> , 2021 |                               |  | Internal person |
| 4 | Ông. Lê Văn Nam       |                                                                        | Thành viên HĐQT                                    |  |  | 01/06/2023                   |                               |  | Người nội bộ    |
|   | Mr. Le Van Nam        |                                                                        | Member of the Board                                |  |  | June 1 <sup>st</sup> , 2023  |                               |  | Internal person |
| 5 | Bà. Vũ Thị Hòa        |                                                                        | TV HĐQT độc lập                                    |  |  | 27/06/2023                   | 25/4/2025                     |  | Người nội bộ    |
|   | Mrs. Vu Thi Hoa       |                                                                        | Independent member<br>of the Board of<br>Directors |  |  | June 27 <sup>th</sup> , 2023 | April 25 <sup>th</sup> , 2025 |  | Internal person |



|   |                                         |  |                                                                         |  |  |                               |  |  |                 |
|---|-----------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------|--|--|-----------------|
| 6 | Bà. Nguyễn Thị Lượ                      |  | Phó Chủ tịch HĐQT<br>(TV HĐQT độc lập -<br>không điều hành)             |  |  | 27/06/2023                    |  |  | Người nội bộ    |
|   | Mrs. Nguyen Thi Luot                    |  | Vice Chairwoman<br>(Independent<br>member of the Board<br>of Directors) |  |  | June 27 <sup>th</sup> , 2023  |  |  | Internal person |
| 7 | Ông. Nguyễn Kinh Luân<br>(Jerry Nguyen) |  | TV HĐQT                                                                 |  |  | 25/04/2025                    |  |  | Người nội bộ    |
|   | Mr. Nguyen Kinh Luan                    |  | Member of BOD                                                           |  |  | April 25 <sup>th</sup> , 2025 |  |  | Internal person |
| 8 | Bà. Lê Thị Phương Uyên                  |  | Trưởng Ban Kiểm<br>soát                                                 |  |  | 25/04/2025                    |  |  | Người nội bộ    |
|   | Mrs. Le Thi Phuong Uyen                 |  | Head of the<br>Supervisory Board                                        |  |  | April 25 <sup>th</sup> , 2025 |  |  | Internal person |
| 9 | Bà. Đỗ Thị Thanh Huyền                  |  | Thành viên Ban<br>Kiểm soát                                             |  |  | 25/04/2025                    |  |  | Người nội bộ    |



|    |                         |  |                                 |  |  |                               |  |  |                 |
|----|-------------------------|--|---------------------------------|--|--|-------------------------------|--|--|-----------------|
|    | Mrs. Do Thi Thanh Huyen |  | Member of the Supervisory Board |  |  | April 25 <sup>th</sup> , 2025 |  |  | Internal person |
| 10 | Ông. Nguyễn Gia Bảo     |  | Thành viên Ban Kiểm soát        |  |  | 25/04/2025                    |  |  | Người nội bộ    |
|    | Mr. Nguyen Gia Bao      |  | Member of the Supervisory Board |  |  | April 25 <sup>th</sup> , 2025 |  |  | Internal person |

**II. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC DO HĐQT BỔ NHIỆM/ THE BOARD OF MANAGEMENT AND OTHER MANAGERS APPOINTED BY THE BOD**

|   |                   |  |                                   |  |  |                              |                                 |  |                 |
|---|-------------------|--|-----------------------------------|--|--|------------------------------|---------------------------------|--|-----------------|
| 1 | Ông. Lê Văn Nam   |  | Tổng Giám đốc                     |  |  | 01/06/2023                   | 31/10/2025                      |  | Người nội bộ    |
|   | Mr. Le Van Nam    |  | General Director                  |  |  | June 01 <sup>st</sup> , 2023 | October 31 <sup>st</sup> , 2025 |  | Internal person |
| 2 | Ông. Lê Việt Hiếu |  | Phó Tổng Giám đốc thường trực     |  |  | 03/05/2019                   |                                 |  | Người nội bộ    |
|   | Mr. Le Viet Hieu  |  | Permanent Deputy General Director |  |  | May 03 <sup>rd</sup> , 2019  |                                 |  | Internal person |

|   |                                         |  |                                |  |  |                                     |                                        |  |                        |
|---|-----------------------------------------|--|--------------------------------|--|--|-------------------------------------|----------------------------------------|--|------------------------|
|   |                                         |  |                                |  |  |                                     |                                        |  |                        |
| 3 | Ông. Đinh Văn Thanh                     |  | Phó Tổng Giám đốc              |  |  | 17/08/2020                          | 11/9/2025                              |  | Người nội bộ           |
|   | <i>Mr. Dinh Van Thanh</i>               |  | <i>Deputy General Director</i> |  |  | <i>August 17<sup>th</sup>, 2020</i> | <i>September 11<sup>th</sup>, 2025</i> |  | <i>Internal person</i> |
| 4 | Ông. Nguyễn Khánh Hoàng                 |  | Phó Tổng Giám đốc              |  |  | 01/06/2023                          |                                        |  | Người nội bộ           |
|   | <i>Mr. Nguyen Khanh Hoang</i>           |  | <i>Deputy General Director</i> |  |  | <i>June 01<sup>st</sup>, 2023</i>   |                                        |  | <i>Internal person</i> |
| 5 | Ông. Lê Văn Viên                        |  | Phó Tổng Giám đốc              |  |  | 01/05/2024                          | 01/03/2025                             |  | Người nội bộ           |
|   | <i>Mr. Le Van Vien</i>                  |  | <i>Deputy General Director</i> |  |  | <i>May 01<sup>st</sup>, 2024</i>    | <i>March 01<sup>st</sup>, 2025</i>     |  | <i>Internal person</i> |
| 6 | Ông. Nguyễn Kinh Luân<br>(Jerry Nguyen) |  | Phó Tổng Giám đốc              |  |  | 01/11/2024                          |                                        |  | Người nội bộ           |



|   |                        |  |                            |  |  |                                     |                                      |  |                 |
|---|------------------------|--|----------------------------|--|--|-------------------------------------|--------------------------------------|--|-----------------|
|   | Mr. Nguyen Kinh Luan   |  | Deputy General<br>Director |  |  | November 01 <sup>st</sup> ,<br>2024 |                                      |  | Internal person |
| 7 | Ông. Huỳnh Tấn Quốc    |  | Phó Tổng Giám đốc          |  |  | 01/03/2025                          | 04/06/2025                           |  | Người nội bộ    |
|   | Huynh Tan Quoc         |  | Deputy General<br>Director |  |  | March 01 <sup>st</sup> , 2025       | June 04 <sup>th</sup> , 2025         |  | Internal person |
| 8 | Ông. Phạm Hồng Hà      |  | Phó Tổng Giám đốc          |  |  | 04/06/2025                          | 01/09/2025                           |  | Người nội bộ    |
|   | Mr. Pham Hong Ha       |  | Deputy General<br>Director |  |  | June 04 <sup>th</sup> , 2025        | September 01 <sup>st</sup> ,<br>2025 |  | Internal person |
| 9 | Ông. Nguyễn Công Thiện |  | Phó Tổng Giám đốc          |  |  | 01/08/2025                          |                                      |  | Người nội bộ    |
|   | Mr. Nguyen Cong Thien  |  | Deputy General<br>Director |  |  | August 01 <sup>st</sup> ,<br>2025   |                                      |  | Internal person |





|    |                     |  |                         |  |  |                                   |  |                 |
|----|---------------------|--|-------------------------|--|--|-----------------------------------|--|-----------------|
|    |                     |  |                         |  |  |                                   |  |                 |
| 12 | Ông. Nguyễn Đức Anh |  | Giám đốc Tài chính      |  |  | 08/09/2025                        |  | Người nội bộ    |
|    | Mr. Nguyen Duc Anh  |  | Chief Financial Officer |  |  | September 08 <sup>th</sup> , 2025 |  | Internal person |

### III. TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY/ *ORGANIZATIONS RELATED TO COMPANY*

#### III.1 CÔNG TY CON TRỰC TIẾP/ *DIRECT SUBSIDIARIES*

|   |                                          |  |  |                                                                                                                                               |                                                                          |  |  |                                     |
|---|------------------------------------------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------|
| 1 | Công ty CP Nhà Hòa Bình                  |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0305084406 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 07/07/2007                                                                              | 235 Võ Thị Sáu, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TPHCM                                 |  |  | HBC nắm giữ 96,96% vốn điều lệ      |
|   | Hoa Binh House Corporation               |  |  | Business registration certificate No. 0305084406 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on July 07, 2007     | No. 235 Vo Thi Sau Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City |  |  | HBC holds 96,96% of charter capital |
| 2 | Công ty Cổ phần Sơn và Chất Phủ Hòa Bình |  |  | Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 0302492460 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 24/12/2001                                                                     | 37/5A Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Q.12, TP.HCM                       |  |  | HBC nắm giữ 79.54% vốn điều lệ      |
|   | Hoa Binh Paint Co., Ltd                  |  |  | Business Registration Certificate No: 0302492460 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on December 24, 2001 | 37/5A Phan Van Hon, Tan Thoi Nhat Ward, District 12, Ho Chi Minh         |  |  | HBC holds 79.54% of charter capital |

|   |                                                                                    |  |  |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                         |  |  |                                                |
|---|------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------------|
| 3 | Công ty TNHH Tư vấn<br>Thiết kế Hòa Bình                                           |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0302607584<br>do Sở KH&ĐT TPHCM cấp lần<br>đầu ngày 07/5/2002                                                                                                     | Số 235 đường Võ Thị Sáu,<br>Phường Võ Thị Sáu, Quận<br>3, TP. Hồ Chí Minh                                               |  |  | HBC nắm giữ 75%<br>vốn điều lệ                 |
|   | <i>Hoa Binh Architecture<br/>Co., Ltd</i>                                          |  |  | <i>Business registration certificate<br/>No. 0302607584 issued by the<br/>Department of Planning and<br/>Investment of Ho Chi Minh City<br/>for the first time on May 7, 2002</i> | <i>No. 235 Vo Thi Sau Street,<br/>Vo Thi Sau Ward, District<br/>3, Ho Chi Minh City</i>                                 |  |  | <i>HBC holds 75% of<br/>charter capital</i>    |
| 4 | Công ty TNHH Quy<br>hoạch và Kiến trúc Hòa<br>Bình                                 |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0110384422<br>do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp<br>ngày 12/06/2023                                                                                                        | Tầng 20, Tòa PeakView,<br>số 36 phố Hoàng Cầu,<br>Phường Ô Chợ Dừa, Quận<br>Đống Đa, TP. Hà Nội                         |  |  | HBC nắm giữ 51%<br>vốn điều lệ                 |
|   | <i>Hoa Binh Planning and<br/>Architecture Company<br/>Limited</i>                  |  |  | <i>Business registration certificate<br/>No. 0110384422 issued by the<br/>Department of Planning and<br/>Investment of Ha Noi on June<br/>12<sup>th</sup>, 2023</i>               | <i>20th Floor, PeakView<br/>Building, 36 Hoang Cau<br/>Street, O Cho Dua Ward,<br/>Dong Da District, Hanoi<br/>City</i> |  |  | <i>HBC holds 51% of<br/>charter capital</i>    |
| 5 | Công ty CP Đầu tư Xây<br>dựng hạ tầng Hòa Bình                                     |  |  | Giấy CN ĐKKD số 1100796764<br>do Sở KH&ĐT tỉnh Long An cấp<br>ngày 19/03/2008                                                                                                     | Ấp 7, xã Nhị Thành,<br>Huyện Thủ Thừa, Tỉnh<br>Long An                                                                  |  |  | HBC nắm giữ<br>97,97% vốn điều lệ              |
|   | <i>Hoa Binh Infrastructure<br/>Construction Investment<br/>Joint Stock Company</i> |  |  | <i>Business registration certificate<br/>No. 1100796764 issued by the<br/>Department of Planning and<br/>Investment of Long An province<br/>on March 19, 2008</i>                 | <i>Hamlet 7, Nhi Thanh<br/>Commune, Thu Thua<br/>District, Long An Province</i>                                         |  |  | <i>HBC holds 97,97%<br/>of charter capital</i> |
| 6 | Công ty Cổ phần Thương<br>Mại và Đầu tư PAX                                        |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0318630162<br>do Sở KH&ĐT thành phố Hồ Chí<br>Minh cấp ngày 19/08/2024                                                                                            | 235 Võ Thị Sáu, phường<br>Võ Thị Sáu, Quận 3,<br>Tp.HCM                                                                 |  |  | HBC nắm giữ 98%<br>vốn điều lệ                 |
|   | <i>Pax Commercial and<br/>Investment Joint Stock<br/>Company</i>                   |  |  | <i>Business registration certificate<br/>No. 0318630162 issued by the<br/>Department of Planning and</i>                                                                          | <i>235 Vo Thi Sau Street, Vo<br/>Thi Sau Ward, District 3,<br/>Ho Chi Minh City</i>                                     |  |  | <i>HBC holds 98% of<br/>charter capital</i>    |



|                                                            |                                                                                   |  |  |                                                                                                                                                                              |                                                                          |  |  |  |                                                |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--|--|--|------------------------------------------------|
|                                                            |                                                                                   |  |  | Investment of Long An province<br>on August 19 <sup>th</sup> , 2024                                                                                                          |                                                                          |  |  |  |                                                |
| <b>III.2 CÔNG TY CON GIÁN TIẾP / INDIRECT SUBSIDIARIES</b> |                                                                                   |  |  |                                                                                                                                                                              |                                                                          |  |  |  |                                                |
| 1                                                          | Công ty Cổ phần Đầu tư<br>và Phát triển Hòa Yên                                   |  |  | Giấy CN ĐKKD số 4400410872<br>do Sở KH & ĐT Tỉnh Phú Yên<br>cấp ngày 8/11/2007                                                                                               | 439 Trần Hưng Đạo,<br>Phường 6, Thành phố Tuy<br>Hòa, Tỉnh Phú Yên       |  |  |  | HBC nắm giữ<br>97,53% vốn điều lệ              |
|                                                            | <i>Hoa Yen Investment and<br/>Development Joint Stock<br/>Company</i>             |  |  | <i>Business Registration Certificate<br/>No. 4400410872 issued by<br/>Department of Planning and<br/>Investment of Phu Yen Province<br/>on November 8, 200</i>               | <i>439 Tran Hung Dao, Ward<br/>6, Tuy Hoa City, Phu Yen<br/>Province</i> |  |  |  | <i>HBC holds 97,53%<br/>of charter capital</i> |
| 2                                                          | Công ty Cổ phần Sản<br>xuất và Trang trí Mộc<br>Hòa Bình                          |  |  | Giấy CN ĐKKD số 1100796764<br>do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp<br>ngày 15/07/2008                                                                                                     | 235 Võ Thị Sáu, P.Võ Thị<br>Sáu, Q.3, TPHCM                              |  |  |  | HBC nắm giữ<br>97,3% vốn điều lệ               |
|                                                            | <i>Hòa Bình Wood<br/>Manufacturing and<br/>Decorating Joint Stock<br/>Company</i> |  |  | <i>Business registration certificate<br/>No. 1100796764 issued by the<br/>Department of Planning and<br/>Investment of Ho Chi Minh City.<br/>HCM issued on July 15, 2008</i> | <i>235 Vo Thi Sau, Vo Thi Sau<br/>Ward, District 3, HCMC</i>             |  |  |  | <i>HBC holds 97,3% of<br/>charter capital</i>  |
| 3                                                          | Công ty cổ phần đầu tư<br>và năng lượng tái tạo<br>Hòa Bình                       |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0303159335<br>do Sở KH&ĐT TPHCM cấp lần<br>đầu ngày 24/12/2003                                                                                               | 235 Võ Thị Sáu, P. Võ Thị<br>Sáu, Q.3, TPHCM                             |  |  |  | HBC nắm giữ<br>64,94% vốn điều lệ              |
|                                                            | <i>Hoa Binh Renewable<br/>Energy and Investment<br/>Corporation</i>               |  |  | <i>Business registration certificate<br/>No. 0303159335 issued by the<br/>Department of Planning and<br/>Investment of Ho Chi Minh City<br/>on December 24, 2003</i>         | <i>235 Vo Thi Sau, Vo Thi Sau<br/>Ward, District 3, HCMC</i>             |  |  |  | <i>HBC holds 64,94%<br/>of charter capital</i> |

|   |                                                   |  |  |                                                                                                                                                         |                                                                     |  |  |                                     |
|---|---------------------------------------------------|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------|
| 4 | Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát           |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0310521080 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 16/12/2010                                                                                        | Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |  |  | HBC nắm giữ 99,74% vốn điều lệ      |
|   | Tien Phat Real Estate Investment Corporation      |  |  | Business registration certificate No. 0310521080 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on December 16, 2010           | 235 Vo Thi Sau, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC                   |  |  | HBC holds 99,74% of charter capital |
| 5 | Công ty Cổ Phần Đầu tư Bất động Sản Okamura Sanyo |  |  | Giấy ĐKKD số 0314014331 Do Sở KH & ĐT TP. HCM cấp Ngày 15/09/2016                                                                                       | Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |  |  | HBC nắm giữ 50,55% vốn điều lệ      |
|   | Okamura Sanyo Property Corporation                |  |  | Business Registration Certificate No. 0314014331 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on September 15, 2016          | 235 Vo Thi Sau, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC                   |  |  | HBC holds 50,55% of charter capital |
| 6 | Công ty TNHH Sài Gòn Ngày Mới                     |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0309478465 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 05/10/2009                                                                                        | Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |  |  | HBC nắm giữ 84,78% vốn điều lệ      |
|   | Sai Gon New Day Company Limited                   |  |  | Certificate of Business Registration No. 0309478465 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on October 5, 2009          | 235 Vo Thi Sau, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC                   |  |  | HBC holds 84,78% of charter capital |
| 7 | Công ty Cổ phần Tiến Phát Sanyo Homes             |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0313635632 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 25/01/2016                                                                                        | Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |  |  | HBC nắm giữ 99,32% vốn điều lệ      |
|   | Tien Phat Sanyo Homes Corporation                 |  |  | Business registration certificate No. 0313635632 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on January 25, 2016 No. 235 Vo | 235 Vo Thi Sau, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC                   |  |  | HBC holds 99,32% of charter capital |



|    |                                                                                      |  |  |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                    |  |  |  |                                            |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--------------------------------------------|
|    |                                                                                      |  |  | <i>Thi Sau Street, Vo Thi Sau Ward,<br/>District 3, HCMC</i>                                                                                                               |                                                                                                                                                                    |  |  |  |                                            |
| 8  | Công ty CP Đầu tư Phát triển Hòa Bình Huế                                            |  |  | Giấy CN đầu tư số 312031000012 do BQL Khu Kinh tế Chân Mây- Lăng Cô Cấp ngày 22/11/2007                                                                                    | Thôn Phú Hải 2, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế                                                                                                    |  |  |  | HBC nắm giữ 93,90% vốn điều lệ             |
|    | <i>Hoa Binh Hue Development Joint Stock Company</i>                                  |  |  | <i>Investment license number 312031000012 by the Management Board of Chan May - Lang Co Economic Zone Issued on December 22, 2007</i>                                      | <i>Phu Hai 2 Hamlet, Loc Vinh Commune, Phu Loc District, Thua Thien Hue Province</i>                                                                               |  |  |  | <i>HBC holds 93,90% of charter capital</i> |
| 9  | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Hòa Bình Quảng Nam                           |  |  | Giấy CN ĐKKD số 4001157970 do Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam, cấp lần đầu ngày 25/09/2018                                                                                         | Cụm CN - TTCN Đại Nghĩa 1, Xã Đại Nghĩa, Huyện Đại Lộc, Quảng Nam hoặc cơ quan quản lý thuế Huyện Đại Lộc, Quảng Nam                                               |  |  |  | HBC nắm giữ 95,97% vốn điều lệ             |
|    | <i>Hoa Binh Quang Nam Infrastructure Construction Investment Joint Stock Company</i> |  |  | <i>Business registration certificate No. 4001157970 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Nam province for the first time on September 25, 2018</i> | <i>Industrial cluster - Dai Nghia 1 Industrial Center, Dai Nghia Commune, Dai Loc District, Quang Nam or tax administration agency Dai Loc District, Quang Nam</i> |  |  |  | <i>HBC holds 95,97% of charter capital</i> |
| 10 | Công ty Cổ phần kỹ thuật Hòa Bình Oseven                                             |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0309478144 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 01/10/2009                                                                                                           | Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                                                                                                |  |  |  | HBC nắm giữ 99,96% vốn điều lệ             |
|    | <i>Hoa Binh Oseven Corporation</i>                                                   |  |  | <i>Business registration certificate No. 0309478144 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on October 1, 2009</i>                         | <i>235 Vo Thi Sau, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC</i>                                                                                                           |  |  |  | <i>HBC holds 99,96% of charter capital</i> |

|    |                                                           |  |  |                                                                                                                                                          |                                                                                                   |  |  |                                        |
|----|-----------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------|
| 11 | Công ty TNHH Tiến Phát<br>Đông Bắc                        |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0313635632<br>do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày<br>25/01/2016                                                                                   | Số 235 đường Võ Thị Sáu,<br>Phường Võ Thị Sáu, Quận<br>3, TP. Hồ Chí Minh                         |  |  | HBC nắm giữ<br>99,74% vốn điều lệ      |
|    | Tien Phat North – East<br>Company Limited                 |  |  | Business registration certificate<br>No. 0314566452 issued by the<br>Department of Planning and<br>Investment of Ho Chi Minh City<br>on January 25, 2016 | 235 Vo Thi Sau, Vo Thi Sau<br>Ward, District 3, HCMC                                              |  |  | HBC holds 99,74%<br>of charter capital |
| 12 | Công ty TNHH Pax Sky<br>Sài Gòn                           |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0316471598<br>do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày<br>01/10/2020                                                                                   | Số 235 đường Võ Thị Sáu,<br>Phường Võ Thị Sáu, Quận<br>3, TP. Hồ Chí Minh                         |  |  | HBC nắm giữ<br>99,96% vốn điều lệ      |
|    | Paxsky Saigon Company<br>Limited                          |  |  | Business registration certificate<br>No. 0316471598 issued by the<br>Department of Planning and<br>Investment of Ho Chi Minh City<br>on October 1, 2020  | 235 Vo Thi Sau, Vo Thi Sau<br>Ward, District 3, HCMC                                              |  |  | HBC holds 99,96%<br>of charter capital |
| 13 | Công ty TNHH MTV HBIS                                     |  |  | Giấy CN ĐKKD số<br>1101982812 do Sở KH&ĐT tỉnh<br>Long An cấp ngày 09/04/2021                                                                            | Lô Dịch Vụ, đường số 2,<br>Khu Công nghiệp Hòa<br>Bình, Huyện Thủ Thừa,<br>Tỉnh Long An           |  |  | HBC nắm giữ<br>99,97% vốn điều lệ      |
|    | HBIS One Member<br>Company Limited                        |  |  | Business Registration Certificate<br>No. 1101982812 issued by the<br>Department of Planning and<br>Investment of Long An province<br>on April 9, 2021    | Service Lot, No. 2 Street,<br>Hoa Binh Industrial Park,<br>Thu Thua District, Long<br>An Province |  |  | HBC holds 99,97%<br>of charter capital |
| 14 | Công ty TNHH MTV Xây<br>dựng và Địa ốc Hòa Bình<br>Hà Nội |  |  | Thành lập theo giấy chứng nhận<br>đăng ký kinh doanh số<br>0104853362 đăng ký lần đầu<br>ngày 08/09/2010                                                 | Tầng 8 tòa nhà Sannam,<br>phường Dịch Vọng Hậu,<br>Cầu Giấy, Hà nội                               |  |  | HBC nắm giữ<br>97,97% vốn điều lệ      |
|    | Hoa Binh Hanoi<br>Construction & Real<br>Estate Co., Ltd. |  |  | Established under the business<br>registration certificate No.                                                                                           | 8th floor, Sannam<br>Building, Dich Vong Hau                                                      |  |  | HBC holds 97,97%<br>of charter capital |



|                                                      |                                                   |  |  |                                                                                                                                                  |                                                                          |  |  |  |                                                         |
|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---------------------------------------------------------|
|                                                      |                                                   |  |  | 0104853362 registered for the first time on September 8, 2010                                                                                    | Ward, Cau Giay District, City. Hanoi                                     |  |  |  |                                                         |
| <b>III.3 Công ty liên kết/ Affiliated companies.</b> |                                                   |  |  |                                                                                                                                                  |                                                                          |  |  |  |                                                         |
| 1                                                    | Công ty CP Trang Trí Nội Thất Onwa Tech           |  |  | Giấy CN ĐKKD số 0315435290 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 13/12/2018                                                                                 | 235 Võ Thị Sáu, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TPHCM                                 |  |  |  | Công ty liên kết nắm giữ 25,53% vốn điều lệ             |
|                                                      | Onwa Tech Interior Decoration Joint Stock Company |  |  | Certificate of Business Registration No. 0315435290 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on December 13, 2018 | No. 235 Vo Thi Sau Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City |  |  |  | Affiliated Company, HBC holds 25,53% of charter capital |
| 2                                                    | Công ty Cổ phần 479 Hòa Bình                      |  |  | Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 13 số 2900325124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 06 tháng 11 năm 2019                   | Số 54, Đường Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An    |  |  |  | Công ty liên kết nắm giữ 49,25% vốn điều lệ             |
|                                                      | 479 Hoa Binh Joint Stock company                  |  |  | 13 th Amended Investment Certificate No. 2900325124 issued by Nghe An Planning and Investment Department on 06 November 2019                     | 54 Nguyen Du Street, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province          |  |  |  | Affiliated Company, HBC holds 49,25% of charter capital |



## PHỤ LỤC 2: 4. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

### APPENDIX NO.2: 4. TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND OTHER OBJECTS

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):*

| STT | Tên tổ chức/cá nhân              | Mối quan hệ liên quan với công ty                                                         | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH                                                                         | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                       | Thời điểm giao dịch với công ty                                    | Nội dung giao dịch                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| No. | Name of organization/ individual | Relationship with the company                                                             | Ownership Certificate Number*, date of issue, place of issuer                                              | Head office address/Contact address                                                         | Time of transaction with the company                               | Transaction details                                                                                                                            | Notes   |
| 1   | Công ty Cổ phần Jesco Asia       | Công ty đầu tư dài hạn, nắm giữ 3.23% vốn điều lệ ( đã chuyển nhượng vào ngày 30/06/2025) | Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 0302447355 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 21/11/2007, thay đổi lần 7, ngày 04/02/2016 | Lầu 10-11, Tòa nhà South Building,số 60 Đường Trường Sơn, P.2, Q.Tân Bình, , Tp Hồ Chí Minh | 01/01/2025 đến 31/12/2025                                          | Cấn trừ công nợ 3 bên HBC- JHE- JHE Asia ( cấn trừ quyết toán hợp đồng thi công cơ điện ctr Cobi vào tiền góp vốn JHE Asia): 4.185.000.000 VND |         |
|     | Jesco Asia Joint Stock Company   | The company holds a long-term investment stake, 3.23% of                                  | Business Registration Certificate No.: 0302447355                                                          | Floors 10-11, South Building, 60 Truong Son Street, Ward 2,                                 | January 1 <sup>st</sup> , 2025 to December 31 <sup>st</sup> , 2025 | Offsetting the three-party debt between HBC, JHE, and JHE Asia (offsetting the settlement of the electrical and mechanical                     |         |



|   |                                                             |                                                                    |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                    |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
|---|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                             | <i>the charter capital (transferred on June 30, 2025).</i>         | <i>issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 21, 2007, amended for the 7th time on February 4, 2016.</i>                              | <i>Tan Binh District, Ho Chi Minh City</i>                                                         |                                                                       | <i>construction contract for Cobi against JHE Asia's capital contribution): 4,185,000,000 VND</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 2 | Công ty Cổ phần Sơn và Chất Phủ Hòa Bình (HBP)              | Công ty con, nắm giữ 79.54% vốn điều lệ                            | Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 0302492460 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 24/12/2001, thay đổi lần 7, ngày 17/01/2025                                                                      | Số 37/5A Khu phố 5 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp Hồ Chí Minh                     | 01/01/2025 đến 31/12/2025                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn góp từ nguồn thu lãi cổ tức theo NQ của ĐHĐCĐ 01/2025/ NQ/ĐHĐCĐ-HB 02/01/2025 của HBP : 27.018.057.336 VND;</li> <li>- Tăng vốn góp qua cấn trừ khoản phải thu 200.000.000 VND (theo NQ của ĐHĐCĐ 01/2025;</li> <li>- Chi phí lãi vay 612.500.001 VND</li> </ul>                                                                                                                           |  |
|   | <i>Hoa Binh Paint and Coating Joint Stock Company (HBP)</i> | <i>The subsidiary company holds 79.54% of the charter capital.</i> | <i>Business Registration Certificate No.: 0302492460 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on December 24, 2001, amended for the 7th time</i> | <i>No. 37/5A, Block 5, Phan Van Hon Street, Tan Thoi Nhat Ward, District 12, Ho Chi Minh City,</i> | <i>January 1<sup>st</sup>, 2025 to December 31<sup>st</sup>, 2025</i> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Increase in capital contribution from dividend income according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders 01/2025/NQ/ĐHĐCĐ-HB dated January 2, 2025 of HBP: VND 27,018,057,336;</i></li> <li>- <i>Increase in capital contribution through offsetting receivables of VND 200,000,000 (according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders 01/2025);</i></li> </ul> |  |

*20/12*

|   |                                                        |                                                  |                                                                                                                  |                                                  |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|---|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                        |                                                  | on January 17, 2025.                                                                                             |                                                  |                           | - Interest expense: VND 612,500,001                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 3 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng Hòa Bình (HBI) | Công ty con trực tiếp nắm giữ 97,97% vốn điều lệ | Giấy CN ĐKKD số 1100796764 do Sở KH&ĐT tỉnh Long An, cấp lần đầu ngày 19/3/2008 thay đổi lần 12, ngày 17/05/2024 | Ấp 7, xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An | 01/01/2025 đến 31/12/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãi HBC cho HBI vay: 207.284.254 VNĐ</li> <li>- Lãi cổ tức năm 2024+ 3T-2025 HBC được chia từ HBI: 111.128.543.457 VNĐ</li> <li>- Chi phí lãi vay HBC vay HBI: 2.930.514.571 VNĐ</li> <li>- Chi phí HBC thuê mặt bằng và phí bảo dưỡng hạ tầng từ HBI: 13.982.701.500 VNĐ</li> <li>- HBC thu tiền HBI trả nợ vay trong kỳ: 12.002.301.370 VNĐ</li> <li>- HBC cho HBI vay trong kỳ: 16.515.284.254 VNĐ</li> <li>- HBC phải thu số tiền cho HBI vay tại 31/12/2025: 4.512.982.884 VNĐ</li> <li>- HBC phân loại lại khoản phải thu khác sang phải thu khách hàng HBI :391.750.000 VNĐ</li> <li>- HBC trả nợ vay HBI trong năm 2025: 131.006.747.594 VND, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bằng tiền: 9.842.040.000 VNĐ</li> <li>+ Cấn trừ công nợ vay HBC-HBI-ILA: 65.000.000.000 VNĐ</li> </ul> </li> </ul> |  |

*Handwritten signature*



|  |                                                                                          |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                              |                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |                                                                                          |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                              |                                                                             | + Cấn trừ khoản phải thu cổ tức:<br>56.164.707.594 VND<br>- HBC thu cổ tức được chia từ<br>HBI bằng cấn trừ công nợ vay 3<br>bên giữa HBC- HBI-ILA:<br>111.128.543.457 VNĐ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
|  | Hoa Binh<br>Infrastructure<br>Construction<br>Investment Joint<br>Stock Company<br>(HBI) | Direct<br>subsidiary<br>holding 97.97%<br>of charter<br>capital | Business<br>Registration<br>Certificate No.<br>1100796764<br>issued by the<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Long An<br>Province, first<br>issued on March<br>19, 2008,<br>amended 12th<br>time on May 17,<br>2024 | Hamlet 7, Nhi<br>Thanh Commune,<br>Thu Thua<br>District, Long An<br>Province | January 1 <sup>st</sup> ,<br>2025 to<br>December<br>31 <sup>st</sup> , 2025 | - Interest expense on HBC's loan to<br>HBI: VND 207,284,254<br>- Dividend profit for 2024 + 3<br>months of 2025 received by HBC<br>from HBI: VND 111,128,543,457<br>- Interest expense on HBC's loan<br>from HBI: VND 2,930,514,571<br>- HBC's rental and infrastructure<br>maintenance expenses from HBI:<br>VND 13,982,701,500<br>- HBC received loan repayments<br>from HBI during the period: VND<br>12,002,301,370<br>- Loans lent by HBC to HBI during<br>the period: VND 16,515,284,254<br>- Amount due from HBC as of<br>December 31, 2025: VND<br>4,512,982,884<br>- HBC reclassifies other<br>receivables to HBI's customer<br>receivables :391,750,000 VND<br>- HBC repays HBI loan in 2025:<br>131,006,747,594 VND, including:<br>+ In cash: 9,842,040,000 VND |  |

W/c



|   |                                                                           |                                                                       |                                                                                                                                                 |                                                                                      |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                           |                                                                       |                                                                                                                                                 |                                                                                      |                                                                       | + Offsetting HBC-HBI-ILA loan debt: 65,000,000,000 VND<br>+ Offsetting dividend receivable: 56,164,707,594 VND<br>- HBC received dividends from HBI by offsetting the three-party loan debt between HBC, HBI, and ILA: VND 111,128,543,457.                                                 |  |
| 4 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Năng lượng Tái tạo Hòa Bình (HRE)               | Công ty con gián tiếp nắm giữ 86.73% vốn điều lệ                      | Giấy CN ĐKKD số 0303159335 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp lần đầu ngày 24/12/2004, thay đổi lần 22, ngày 08/01/2019                                      | Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                  | 01/01/2025 đến 31/12/2025                                             | - HBC mua công cụ dụng cụ (bình chữa cháy) từ HRE: 13.800.000 VNĐ<br>- HBC thanh toán nợ phải trả cho HRE bằng tiền trong kỳ: 14.904.000 VNĐ<br>- Lãi HBC cho HBI vay nhập gốc trong kỳ: 1.068.791.946 VNĐ<br>- HBC còn phải thu khoản cho HBI vay tại 31/12/2025: 9.825.265.374 VNĐ        |  |
|   | <i>Hoa Binh Investment and Renewable Energy Joint Stock Company (HRE)</i> | <i>Indirectly holding 86.73% of charter capital by its subsidiary</i> | <i>Business Registration Certificate No. 0303159335 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on December 24,</i> | <i>Address: 235 Vo Thi Sau Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City</i> | <i>January 1<sup>st</sup>, 2025 to December 31<sup>st</sup>, 2025</i> | - HBC received dividends from HBI by offsetting the three-party loan debt between HBC, HBI, and ILA: VND 111,128,543,457<br>- HBC purchased tools and equipment (fire extinguishers) from HRE: VND 13,800,000<br>- HBC paid off its debt to HRE with cash during the period: VND 14,904,000 |  |





|   |                                           |                                                      |                                                                                                                                                                           |                                                                          |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|---|-------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                           |                                                      | 2004, amended for the 22nd time on January 8, 2019                                                                                                                        |                                                                          |                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Interest on HBC's loan to HBI was added to the principal during the period: VND 1,068,791,946</li> <li>- HBC still owes HBI the loan amount as of December 31, 2025: VND 9,825,265,374</li> </ul>                                                                  |  |
| 5 | Công Ty Cổ Phần 479 Hòa Bình (479 HB)     | Công ty liên kết, nắm giữ 35,28% vốn điều lệ         | Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 2900325124 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 25/12/2024                                                                      | Số 54, đường Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An    | 01/01/2025 đến 31/12/2025                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí HBC thuê VP trong năm 2025 : 155.944.800 VNĐ</li> <li>- HBC còn phải trả tiền thuê VP cho 479 HB tại ngày 31.12.2025 171.539.280 VNĐ</li> <li>- HBC còn phải thu khác từ 479 HB tại ngày 31.12.2025 : 2.498.684.358 VNĐ</li> </ul>                         |  |
|   | 479 Hoa Binh Joint Stock Company (479 HB) | Associate company, holding 35.28% of charter capital | Business Registration Certificate No.: 2900325124 issued by the Department of Planning and Investment of Nghe An Province, amended for the 18th time on December 25, 2024 | Address: 54 Nguyen Du Street, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province | January 1 <sup>st</sup> , 2025 to December 31 <sup>st</sup> , 2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HBC's office rental costs for 2025: VND 155,944,800</li> <li>- HBC still has to pay office rent for 479 HBs as of December 31, 2025: VND 171,539,280</li> <li>- HBC still has other receivables from 479 HBs as of December 31, 2025: VND 2,498,684,358</li> </ul> |  |



*Handwritten signature in blue ink.*

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO) :*

| S<br>TT | Tên tổ chức/cá nhân                             | Mối quan hệ<br>liên quan<br>với công ty/                                                                     | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi<br>cấp NSH                                                                                                        | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ                                                                                         | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty                                       | Nội dung, giá trị giao<br>dịch                                                                                                                                                                     | Ghi chú |
|---------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| No.     | Name of<br>organization/individual              | Relationship<br>with the<br>company                                                                          | Ownership<br>Certificate<br>Number*, date<br>of issue, place<br>of issuer                                                                        | Head office<br>address/Contact<br>address                                                                                           | Time of<br>transaction<br>with the<br>company                               | Transaction details                                                                                                                                                                                | Notes   |
| 1       | Công ty Cổ phần<br>Interhouse Long An (ILA)     | Công ty con<br>gián tiếp nắm<br>giữ 97.59%<br>vốn điều lệ<br>(đã chuyển<br>nhượng vào<br>ngày<br>31/05/2025) | Giấy CN ĐKKD<br>số<br>1101847940<br>do Sở KH&ĐT<br>tỉnh Long An,<br>cấp lần đầu<br>ngày<br>12/04/2017,<br>thay đổi lần 12,<br>ngày<br>18/07/2024 | Lô D3, đường số<br>8, KCN Hòa Bình,<br>ấp 7, xã Nhị<br>Thành, huyện<br>Thủ Thừa, tỉnh<br>Long An                                    | 01/01/2025<br>đến<br>31/05/2025                                             | - Lãi vay (HBC vay ILA):<br>2.508.277.776 VNĐ;<br>- Cấn trừ công nợ<br>vay HBC- HBI -ILA:<br>65.000.000.000 VNĐ;<br>- Chi phí thầu phụ:<br>10.268.286.670 VNĐ                                      |         |
|         | Interhouse Long An Joint<br>Stock Company (ILA) | Indirectly<br>holding<br>97.59% of<br>charter<br>capital<br>(transferred<br>on May 31,<br>2025)              | Business<br>Registration<br>Certificate No.<br>1101847940<br>issued by the<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Long An          | Lot D3, Road No.<br>8, Hoa Binh<br>Industrial Park,<br>Hamlet 7, Nhi<br>Thanh Commune,<br>Thu Thua<br>District, Long An<br>Province | January 1 <sup>st</sup> ,<br>2025 to<br>December 31 <sup>st</sup> ,<br>2025 | - Interest expense (HBC<br>loan to ILA): VND<br>2,508,277,776;<br>- Offsetting of<br>outstanding debt from<br>HBC-HBI-ILA: VND<br>65,000,000,000;<br>- Subcontracting costs:<br>VND 10,268,286,670 |         |



|   |                                               |                                             |                                                                                                    |                                                              |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
|---|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                               |                                             | Province, first issued on April 12, 2017, amended for the 12th time on July 18, 2024               |                                                              |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 2 | Công ty CP Trang trí Nội thất Onwatech (ONWA) | Công ty liên kết nắm giữ 25,53% vốn điều lệ | Giấy CN ĐKKD số 0315435290 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 13/12/2018 thay đổi lần thứ 4 ngày 05/8/2022 | Số 235 đường Võ Thị Sáu, PVõ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh | 01/01/2025 đến 31/12/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu nhập khác (HBC cho ONWA thuê văn phòng từ 09/2025 – 12/2025): 4.000.000 VNĐ</li> <li>- HBC thu tiền ONWA: 4.400.000 VNĐ</li> <li>- HBC còn phải thu khác của ONWA (không đối so với tại 01/01/2025): 1.944.918.073 VNĐ</li> <li>- Khoản HBC đã tạm ứng trước cho ONWA chưa thu hồi (không đối so với tại 01/01/2025): 4.295.714.316 VNĐ</li> <li>- HBC còn phải trả ONWA (không đối so với tại 01/01/2025): 14.500.458.746 VNĐ</li> <li>- Khoản chi phí thầu phụ HBC đã dự chi, HBI chưa xuất hóa đơn</li> </ul> |  |

*Handwritten signature*



|  |                                                         |                                                      |                                                                                                                                                                                           |                                                                               |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|--|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |                                                         |                                                      |                                                                                                                                                                                           |                                                                               |                                                                    | (không đổi so với tại 01/01/2025):<br>4.647.789.975 VNĐ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
|  | Onwatech Interior Decoration Joint Stock Company (ONWA) | Affiliated company holding 25.53% of charter capital | Business Registration Certificate No. 0315435290 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on December 13, 2018, amended for the 4th time on August 5, 2022 | Address: 235 Vo Thi Sau Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City | January 1 <sup>st</sup> , 2025 to December 31 <sup>st</sup> , 2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Other income (HBC leases office space to ONWA from September 2025 to December 2025): VND 4,000,000;</li> <li>- HBC collects money from ONWA: VND 4,400,000;</li> <li>- Other receivables from ONWA (unchanged as of January 1, 2025): 1,944,918,073 VND;</li> <li>- Amount advanced by HBC to ONWA not yet recovered (unchanged as of January 1, 2025): 4,295,714,316 VND;</li> <li>- Amount HBC still owes ONWA (unchanged as of January 1, 2025): 14,500,458,746 VND;</li> <li>- Subcontracting expenses HBC has already budgeted, HBC has not yet issued invoices (unchanged as</li> </ul> |  |

*lyg*



|   |                                                            |                                                           |                                                                                                                                                                                |                                                                                  |                                                                             |                                                                                                                                |  |
|---|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                            |                                                           |                                                                                                                                                                                |                                                                                  |                                                                             | of January 1, 2025):<br>4,647,789,975 VND;                                                                                     |  |
| 3 | Công ty Cổ phần Đầu tư<br>Địa ốc Tiến Phát                 | Công ty con<br>gián tiếp nắm<br>giữ 99,74%<br>vốn điều lệ | Giấy CN ĐKKD<br>số<br>0310521080<br>do Sở KH&ĐT<br>TPHCM cấp<br>ngày<br>16/12/2010                                                                                             | Số 235 đường Võ<br>Thị Sáu, Phường<br>7, Quận 3, TP Hồ<br>Chí Minh               | 01/01/2025<br>đến<br>31/12/2025                                             | Doanh thu tài chính HBC<br>và chi phí lãi vay Tiến<br>Phát: 73.874.972.587<br>VNĐ<br>Phí dịch vụ: 660.000.000<br>đồng          |  |
|   | Tien Phat Real Estate<br>Investment Joint Stock<br>Company | Indirectly<br>holding<br>99.74% of<br>charter<br>capital  | Business<br>Registration<br>Certificate No.<br>0310521080<br>issued by the<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Ho Chi Minh<br>City on<br>December 16,<br>2010 | Address: 235 Vo<br>Thi Sau Street,<br>Ward 7, District<br>3, Ho Chi Minh<br>City | January 1 <sup>st</sup> ,<br>2025 to<br>December 31 <sup>st</sup> ,<br>2025 | Financial revenue of HBC<br>and interest expense of<br>Tien Phat: VND<br>73,874,972,587<br><br>Service fee: VND<br>660.000.000 |  |
| 4 | Công ty TNHH Sài Gòn<br>Ngày Mới                           | Công ty con<br>gián tiếp nắm<br>giữ 99.74%<br>vốn điều lệ | Giấy CN ĐKKD<br>số 0309478<br>465 do Sở<br>KH&ĐT<br>TPHCM cấp<br>ngày<br>05/10/2009                                                                                            | Số 235 đường Võ<br>Thị Sáu, Phường<br>Võ Thị Sáu, Quận<br>3, TP. Hồ Chí<br>Minh  | 01/01/2025<br>đến<br>31/12/2025                                             | Doanh thu tài chính HBC<br>và chi phí lãi vay Sài<br>Gòn Ngày mới:<br>3.887.023.979 VNĐ                                        |  |
|   | Saigon Ngay Moi Co., Ltd.                                  | Indirectly<br>holding<br>99.74% of                        | Business<br>Registration<br>Certificate No.                                                                                                                                    | Address: 235 Vo<br>Thi Sau Street, Vo<br>Thi Sau Ward,                           | January 1 <sup>st</sup> ,<br>2025 to                                        | Financial revenue of HBC<br>and interest expense of                                                                            |  |



|   |                                     |                                                     |                                                                                                                                                     |                                                                                      |                                                                       |                                                                                                |  |
|---|-------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                     | <i>charter capital</i>                              | <i>0309478 465 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on October 5, 2009</i>                                       | <i>District 3, Ho Chi Minh City</i>                                                  | <i>December 31<sup>st</sup>, 2025</i>                                 | <i>Saigon Ngay Moi: VND 3,887,023,979</i>                                                      |  |
| 5 | Công ty TNHH Tiến Phát Đông Bắc     | Công ty con gián tiếp nắm giữ 99.74% vốn điều lệ    | Giấy CN ĐKKD số 0313635632 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp ngày 25/1/2016                                                                                     | Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                  | 01/01/2025 đến 31/12/2025                                             | Doanh thu tài chính HBC và chi phí lãi vay Tiến Phát Đông Bắc: 33.682.933.544 VNĐ              |  |
|   | <i>Tien Phat Dong Bac Co., Ltd.</i> | <i>Indirectly holding 99.74% of charter capital</i> | <i>Business Registration Certificate No. 0313635632 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on January 25, 2016</i> | <i>Address: 235 Vo Thi Sau Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City</i> | <i>January 1<sup>st</sup>, 2025 to December 31<sup>st</sup>, 2025</i> | <i>Financial revenue of HBC and interest expense of Tien Phat Dong Bac: VND 33,682,933,544</i> |  |
| 6 | Công Ty Cổ Phần Nhà Hòa Bình (HBH)  | Công ty con, nắm giữ 99,96% vốn điều lệ             | Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 0305084406 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp                                                                                           | Số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                  | 01/01/2025 đến 31/12/2025                                             | - Doanh thu tài chính từ lãi cho vay (HBC cho HBH vay): 79.300.235.494 VNĐ                     |  |



*ng*



|  |                                          |                                                       |                                                                                            |                                                                       |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|--|------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |                                          |                                                       | thay đổi lần<br>thứ 13 ngày<br>05/03/2021                                                  |                                                                       |                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HBC chuyển tiền cho HBH vay trong năm: 10.760.000.000 VNĐ</li> <li>- Lãi vay nhập gốc trong năm: 79.300.235.494 VNĐ</li> <li>- HBC còn phải thu khoản cho HBH vay tại 31/12/2025: 718.755.246.577 VNĐ</li> <li>- HBC đặt cọc cho HBH chưa thi hồi (không đổi so với 01/01/2025): 21.991.713.009 VNĐ</li> <li>- HBC tạm ứng cho HBH chưa thu hồi (không đổi so với 01/01/2025): 108.901.521.158 VNĐ</li> <li>- HBC còn phải trả cho HBH (không đổi so với 01/01/2025): 4.917.956.581 VNĐ</li> </ul> |  |
|  | Hoa Binh House Joint Stock Company (HBH) | Subsidiary company, holding 99.96% of charter capital | Business Registration Certificate No.: 0305084406 issued by the Department of Planning and | 235 Vo Thi Sau Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City. | January 1 <sup>st</sup> , 2025 to December 31 <sup>st</sup> , 2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Financial revenue from interest on loans (HBC to HBH): VND 79,300,235,494;</li> <li>- Amount transferred by HBC to HBH during the year: VND 10,760,000,000;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |

*Handwritten signature*



|  |  |  |                                                                            |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | Investment of Ho Chi Minh City, amended for the 13th time on March 5, 2021 |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Interest added to principal during the year: VND 79,300,235,494;</li> <li>- Amount still due from HBC to HBH as of December 31, 2025: VND 718,755,246,577;</li> <li>- Unrecovered deposit from HBC to HBH (unchanged from January 1, 2025): VND 21,991,713,009;</li> <li>- Unrecovered advances from HBC to HBH (unchanged from January 1, 2025): 108,901,521,158 VND;</li> <li>- HBC still owes HBH (unchanged from January 1, 2025): 4,917,956,581 VND.</li> </ul> |  |
|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers:* Không có/NA.





**PHỤ LỤC 3: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**  
**Appendix No.3 : The list of internal persons and their affiliated persons**

Thời điểm chốt thông tin: 31/12/2025  
Record date: December 31st 2025

| STT    | Mã CK      | Họ và tên                                | Chức vụ tại công ty                                                                                      | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp          | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|--------|------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.    | Stock code | Name                                     | Position at the company                                                                                  | Relationship to insider          | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance  | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| Number | Varchar    | Varchar                                  | Varchar                                                                                                  | Varchar                          | Integer (CCCD; Hộ chiếu; ĐKKD)  | Varchar                 | Date (dd/mm/yyyy) |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1      | HBC        | Lê Viết Hải                              | Chủ tịch HĐQT/<br>Chairman                                                                               |                                  |                                 |                         |                   | 46,987,699                                      | 13.53%                                              | 1987                                                                 |                                                                    |
| 1.01   | HBC        | Bùi Ngọc Mai                             |                                                                                                          | Vợ/wife                          |                                 |                         |                   | 4,756,612                                       | 1.37%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.02   | HBC        | Lê Viết Hiếu                             | Phó Chủ tịch HĐQT,<br>Phó Tổng Giám đốc thường trực/ Vice Chairman,<br>Permanent Deputy General Director | Con/Child                        |                                 |                         |                   | 1,714,264                                       | 0.49%                                               | 1/5/2019                                                             |                                                                    |
| 1.03   | HBC        | Lê Viết Hòa                              | TGD Công ty con                                                                                          | Con/Child                        |                                 |                         |                   |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.04   | HBC        | Lê Thị Kim Thoa                          |                                                                                                          | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                   | 323,006                                         | 0.09%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.05   | HBC        | Lê Thị Bích Chi                          |                                                                                                          | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                   | 318,512                                         | 0.09%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.06   | HBC        | Lê Thị Cát Tường                         |                                                                                                          | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                   | 45,818                                          | 0.01%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.07   | HBC        | Nguyễn Hoàng Thái                        |                                                                                                          | Anh rể/ Brother in law           |                                 |                         |                   |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.08   | HBC        | Lê Viết Hưng                             | Cố vấn cấp cao/Senior Advisor                                                                            | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                   | 1,357,680                                       | 0.39%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.09   | HBC        | Đoàn Thị Kim Nhung                       |                                                                                                          | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                   |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.10   | HBC        | Lê Viết Hào (LE HAO VIET)                |                                                                                                          | Anh trai/Brother                 |                                 |                         |                   | 318,512                                         | 0.09%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.11   | HBC        | Lê Hòa Mỹ                                |                                                                                                          | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                   |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.12   | HBC        | LE THI TINH THUY                         |                                                                                                          | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                   | 318,512                                         | 0.09%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.13   | HBC        | Nguyễn Khoa Khanh                        |                                                                                                          | Anh rể/ Brother in law           |                                 |                         |                   |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.14   | HBC        | Lê Thị Diệu Tịnh (BRANDER THI DIEU TINH) |                                                                                                          | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                   | 318,512                                         | 0.09%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.15   | HBC        | Lê Viết Hà                               |                                                                                                          | Em trai/brother                  |                                 |                         |                   | 1,201,351                                       | 0.35%                                               |                                                                      |                                                                    |

10/5/25

| STT  | Mã CK      | Họ và tên                                             | Chức vụ tại công ty                                                                               | Mối quan hệ đối với người nội bộ            | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|------|------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.  | Stock code | Name                                                  | Position at the company                                                                           | Relationship to insider                     | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| 1.16 | HBC        | Nguyễn Mộng Thu                                       |                                                                                                   | Em dâu/ Sister in law                       |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.17 | HBC        | Lê Thị Anh Thư                                        |                                                                                                   | Em gái/Sister                               |                                 |                         |                  | 2,005,784                                       | 0.58%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.18 | HBC        | Lê Quang Thanh                                        |                                                                                                   | Em rể/ Brother in law                       |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.19 | HBC        | Lê Thị Cẩm Tú                                         |                                                                                                   | Em gái/Sister                               |                                 |                         |                  | 324,129                                         | 0.09%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 1.2  | HBC        | Lâm Vĩnh Phát                                         |                                                                                                   | Em rể/ Brother in law                       |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.21 | HBC        | Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội   |                                                                                                   | Tổ chức có liên quan/ Relevant organization |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.22 | HBC        | Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar                         |                                                                                                   | Tổ chức có liên quan/ Relevant organization |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.23 | HBC        | Công ty cổ phần đầu tư và năng lượng tái tạo Hòa Bình |                                                                                                   | Tổ chức có liên quan/ Relevant organization |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.24 | HBC        | Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hòa Bình Huế        |                                                                                                   | Tổ chức có liên quan/ Relevant organization |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 1.25 | HBC        | Công ty Cổ phần Hòa Bình Invest Holdings              | Chủ tịch HĐQT/ Chairman                                                                           | Tổ chức có liên quan/ Relevant organization |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 2    | HBC        | Lê Viết Hiếu                                          | Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực/Vice Chairman, Permanent Deputy General Director |                                             |                                 |                         |                  | 1,714,264                                       | 0.49%                                               | 1/5/2019                                                             |                                                                    |
| 2.01 | HBC        | Lê Viết Hải                                           | Chủ tịch HĐQT/ Chairman                                                                           | Bố/Father                                   |                                 |                         |                  | 46,987,699                                      | 13.53%                                              | 1987                                                                 |                                                                    |
| 2.02 | HBC        | Bùi Ngọc Mai                                          |                                                                                                   | Mẹ/Mother                                   |                                 |                         |                  | 4,756,612                                       | 1.37%                                               |                                                                      |                                                                    |
| 2.03 | HBC        | Lê Viết Hòa                                           | TGD Công ty con/ General Director of the subsidiary company                                       | Anh trai/Brother                            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |

*Handwritten signature*



| STT  | Mã CK      | Họ và tên                    | Chức vụ tại công ty                                 | Mối quan hệ đối với người nội bộ            | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ                                                                                                    |
|------|------------|------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| No.  | Stock code | Name                         | Position at the company                             | Relationship to Insider                     | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company                                                                                                     |
| 2.04 | HBC        | Lê Ngọc An Di                |                                                     | Con/Child                                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 2.05 | HBC        | Công ty Cổ phần 479 Hòa Bình | Chủ tịch HĐQT/ Chairman                             | Tổ chức có liên quan/ Relevant organization |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 3    | HBC        | Nguyễn Tường Bảo             | TV HĐQT độc lập/ Independent Member                 |                                             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 21/6/2021                                                            |                                                                                                                                                                       |
| 3.01 | HBC        | Võ Thị Tâm                   |                                                     | Mẹ/Mother ruột                              |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 3.02 | HBC        | Trương Thị Ngọc Bích         |                                                     | Vợ/wife                                     |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 3.03 | HBC        | Nguyễn Tường Bảo Vy          |                                                     | Con/Child                                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 3.04 | HBC        | Nguyễn Tường Phong           |                                                     | Con/Child                                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 4    | HBC        | Đình Văn Thanh               | Phó Tổng Giám đốc/ Deputy CEO                       |                                             |                                 |                         |                  | 87,850                                          | 0.03%                                               | 17/8/2020                                                            | 11/9/2025                                                                                                                                                             |
| 4.01 | HBC        | Đình Văn Bình                |                                                     | Bố/Father                                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 4.02 | HBC        | Nguyễn Thị Chiên             |                                                     | Mẹ/Mother ruột                              |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 4.03 | HBC        | Đình Văn Thủy                |                                                     | Em trai/ Brother                            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 4.04 | HBC        | Đình Văn Thành               |                                                     | Em trai/ Brother                            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 4.05 | HBC        | Trần Anh Đức                 |                                                     | Em trai/brother                             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 4.06 | HBC        | Vũ Thị Mai                   |                                                     | Em trai/brother                             |                                 |                         |                  | 1,985                                           | 0.00%                                               |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 4.07 | HBC        | Công ty Cổ phần 479 Hòa Bình | Tổng giám đốc                                       | Tổ chức có liên quan/ Relevant organization |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 5    | HBC        | Lê Văn Nam                   | Thành viên HĐQT/ Tổng Giám Đốc/ Member of BOD - CEO |                                             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 1/6/2023                                                             | Gửi đơn từ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc và TV HĐQT từ ngày 31/10/2025<br>Submitting resignation for the position of CEO and Board Member effective October 31st, 2025. |
| 5.01 | HBC        | Lê Hải                       |                                                     | Bố/Father                                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 5.02 | HBC        | Đào Thị Gái                  |                                                     | Mẹ/Mother                                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 5.03 | HBC        | Nguyễn Văn Thái              |                                                     | Bố vợ/Father in law                         |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |
| 5.04 | HBC        | Đặng Thị Yến                 |                                                     | Mẹ/Mother vợ                                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                                                                                                                       |

| STT  | Mã CK      | Họ và tên                        | Chức vụ tại công ty           | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|------|------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.  | Stock code | Name                             | Position at the company       | Relationship to insider          | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| 5.05 | HBC        | Nguyễn Thị Vân                   |                               | Vợ/wife                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 5.06 | HBC        | Lê Khánh An                      |                               | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 5.07 | HBC        | Lê Văn Khánh Hưng                |                               | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 5.08 | HBC        | Lê Thị Hoa                       |                               | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 5.09 | HBC        | Lê Văn Khiển<br>(Lê Khiển Kenny) |                               | Anh rể/ Brother in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 5.10 | HBC        | Lê Thị Mâu                       |                               | Em gái/Sister                    |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 5.11 | HBC        | Trần Văn Sơn                     |                               | Em rể/ Brother in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 5.12 | HBC        | Lê Văn Doãn                      |                               | Em trai/ Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 5.13 | HBC        | Lê Thị Huệ                       |                               | Em gái/Sister                    |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 5.14 | HBC        | Lê Thị Huệ<br>(Lê Huệ Mandy)     |                               | Em gái/Sister                    |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6    | HBC        | Nguyễn Khánh Hoàng               | Phó Tổng Giám đốc/ Deputy CEO |                                  |                                 |                         |                  | 13,829                                          | 0.00%                                               | 1/6/2023                                                             |                                                                    |
| 6.01 | HBC        | Lê Thị Bích Hiền                 |                               | Vợ/wife                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.02 | HBC        | Mai Thị Hồng                     |                               | Me/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.03 | HBC        | Nguyễn Hoàng Lê Khánh            |                               | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.04 | HBC        | Nguyễn Lê Nguyên Đức             |                               | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.05 | HBC        | Lê Văn Yên                       |                               | Bố/Father vợ                     |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.06 | HBC        | Nguyễn Thị Lan                   |                               | Me/Mother vợ                     |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.07 | HBC        | Nguyễn Thị Xuân Hương            |                               | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.08 | HBC        | Văn Hồng Phước                   |                               | Anh rể/ Brother in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.09 | HBC        | Nguyễn Quang Hùng                |                               | Anh trai/Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.10 | HBC        | Đỗ Thị Hoa                       |                               | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.11 | HBC        | Nguyễn Thị Sen                   |                               | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.12 | HBC        | Nguyễn Viết Cường                |                               | Anh trai/Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.13 | HBC        | Nguyễn Thị Hồng Hạnh             |                               | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.14 | HBC        | Nguyễn Quang Minh                |                               | Anh trai/Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |



| STT  | Mã CK      | Họ và tên             | Chức vụ tại công ty                                                     | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|------|------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.  | Stock code | Name                  | Position at the company                                                 | Relationship to insider          | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| 6.15 | HBC        | Huỳnh Thị Ngọc Lan    |                                                                         | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.16 | HBC        | Nguyễn Thị Hiền       |                                                                         | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.17 | HBC        | Nguyễn Khắc Huy       |                                                                         | Anh rể/ Brother in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.18 | HBC        | Nguyễn Hữu Phước      |                                                                         | Anh trai/Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.19 | HBC        | Trương Hằng Nghi      |                                                                         | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.2  | HBC        | Nguyễn Thị Thùy Trang |                                                                         | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 6.21 | HBC        | Ngô Đức Hùng          |                                                                         | Anh rể/Brother in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 7    | HBC        | Nguyễn Thị Lượ        | Phó Chủ tịch HĐQT - TV HĐQT độc lập/ Vice Chairman - Independent Member |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 27/06/2023                                                           |                                                                    |
| 7.01 | HBC        | Mai Hữu Thung         |                                                                         | Chồng                            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 7.02 | HBC        | Mai Nguyễn Châu Ngân  |                                                                         | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 7.03 | HBC        | Mai Nguyễn Hoàng Ngân |                                                                         | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 7.04 | HBC        | Mai Nhật Hoàng        |                                                                         | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 7.05 | HBC        | (Đã mất)              |                                                                         | Ba                               |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 7.06 | HBC        | Lê Thị Lậu            |                                                                         | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 7.07 | HBC        | Nguyễn Văn Lực        |                                                                         | Anh trai/Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 7.08 | HBC        | Nguyễn Văn Nho        |                                                                         | Anh trai/Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 7.09 | HBC        | Trương Thị Lâm        |                                                                         | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8    | HBC        | Nguyễn Kim Loan       | Giám đốc tài chính/Chief Financial Officer                              |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 15/06/2024                                                           | 5/9/2025                                                           |
| 8.01 | HBC        | Nguyễn Danh Hợi       |                                                                         | Chồng/ Husband                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8.02 | HBC        | Nguyễn Danh Gia Hưng  |                                                                         | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8.03 | HBC        | Nguyễn Quỳnh Anh      |                                                                         | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |

| STT   | Mã CK      | Họ và tên          | Chức vụ tại công ty                                                                                                                   | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|-------|------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.   | Stock code | Name               | Position at the company                                                                                                               | Relationship to insider          | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| 8.04  | HBC        | Nguyễn Phúc Long   |                                                                                                                                       | Bố/ Father                       |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8.05  | HBC        | Vũ Thị Hồng Vân    |                                                                                                                                       | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8.06  | HBC        | Nguyễn Hồng Xuân   |                                                                                                                                       | Em gái/Sister                    |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8.07  | HBC        | Trần Trung Kiên    |                                                                                                                                       | Em rể/Brother in law             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8.08  | HBC        | Nguyễn Hùng Sơn    |                                                                                                                                       | Em trai/ Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8.09  | HBC        | Vũ Thị Tuyết       |                                                                                                                                       | Em dâu/ Sister in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8.10  | HBC        | Nguyễn Danh Hiệp   |                                                                                                                                       | Bố chồng /Father in law          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 8.11  | HBC        | Nguyễn Thị Vóc     |                                                                                                                                       | Mẹ chồng/ Mother in law          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 9     | HBC        | Lê Trung Kiên      | Người được Ủy quyền CBTT/ Người phụ trách quản trị Công ty / Authorized Information Disclosure Officer/Company Administration Officer |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 15/6/2024                                                            |                                                                    |
| 9.01  | HBC        | Lê Đình Ngoan      |                                                                                                                                       | Bố/Father                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 9.02  | HBC        | Trần Thị Bé Tư     |                                                                                                                                       | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 9.03  | HBC        | Phạm Thành Nhâm    |                                                                                                                                       | Bố vợ/ Father in law             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 9.04  | HBC        | Nguyễn Thị Liên    |                                                                                                                                       | Mẹ vợ/ Mother in law             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 9.05  | HBC        | Phạm Thị Yên       |                                                                                                                                       | Vợ/wife                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 9.06  | HBC        | Lê Phạm Yên Khánh  |                                                                                                                                       | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 9.07  | HBC        | Lê Yên Mây Khanh   |                                                                                                                                       | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 9.08  | HBC        | Lê Thị Hương Giang |                                                                                                                                       | Em gái/Sister                    |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 9.09  | HBC        | Ngọc Thạch PHAM    |                                                                                                                                       | Em rể/ Brother in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10    | HBC        | Lê Thị Thu Trang   | Kế toán trưởng/ Chief Accountant                                                                                                      |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 1/11/2024                                                            |                                                                    |
| 10.01 | HBC        | Trần Văn Thu       |                                                                                                                                       | Chồng/ Husband                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10.02 | HBC        | Trần Việt Anh      |                                                                                                                                       | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10.03 | HBC        | Trần Phương Anh    |                                                                                                                                       | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |

10/10/2024



| STT   | Mã CK      | Họ và tên                                           | Chức vụ tại công ty                                    | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|-------|------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.   | Stock code | Name                                                | Position at the company                                | Relationship to insider          | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| 10.04 | HBC        | Lê Văn Tỷ                                           |                                                        | Bố/Father                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10.05 | HBC        | Nguyễn Thị Thu Vân                                  |                                                        | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10.06 | HBC        | Trần Văn Đảo                                        |                                                        | Bố chồng /Father in law          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10.07 | HBC        | Vũ Thị Đàm                                          |                                                        | Mẹ chồng/ Mother in law          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10.08 | HBC        | Lê Thanh Bảo                                        |                                                        | Em trai/ Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10.09 | HBC        | Lê Thị Ngọc                                         |                                                        | Em dâu/ Sister in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10.10 | HBC        | Công ty Cổ Phần Xây Dựng - Thương Mại - Nội Thất HH |                                                        | Cổ đông/ Shareholders            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 10.11 | HBC        | Công ty TNHH Kỹ Thuật IC                            |                                                        | Cổ đông/ Shareholders            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 11    | HBC        | Nguyễn Kinh Luân                                    | TV HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc/ Member of BOD - Deputy CEO |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 1/11/2024                                                            |                                                                    |
| 11.01 | HBC        | Summer Nguyen                                       |                                                        | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 11.02 | HBC        | Daniel Nguyen                                       |                                                        | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 11.03 | HBC        | River Nguyen                                        |                                                        | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 11.04 | HBC        | London Nguyen                                       |                                                        | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 11.05 | HBC        | Nguyễn Thị Xuân Oanh                                |                                                        | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 12    | HBC        | Phạm Hồng Hà                                        | Phó Tổng Giám đốc/ Deputy CEO                          |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 4/6/2025                                                             | 1/9/2025                                                           |
| 12.01 | HBC        | Phạm Hồng Thanh                                     |                                                        | Bố/Father                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 12.02 | HBC        | Đặng Thị Sáu                                        |                                                        | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 12.03 | HBC        | Trần Thị Vân Anh                                    |                                                        | Vợ/wife                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 12.04 | HBC        | Phạm Linh Đan                                       |                                                        | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 12.05 | HBC        | Phạm Nhật Minh                                      |                                                        | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 12.06 | HBC        | Phạm Hồng Quân                                      |                                                        | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 12.07 | HBC        | Đỗ Thị Bích Ngọc                                    |                                                        | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |

12/10/2024

| STT   | Mã CK      | Họ và tên             | Chức vụ tại công ty                                       | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|-------|------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.   | Stock code | Name                  | Position at the company                                   | Relationship to insider          | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| 13    | HBC        | Lê Thị Phương Uyên    | Trưởng Ban Kiểm soát/ Head of the Supervisory Board       |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 25/4/2025                                                            |                                                                    |
| 13.01 | HBC        | Nguyễn Duy Phước Nhật |                                                           | Chồng/ Husband                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 13.02 | HBC        | Nguyễn Lê Gia Hân     |                                                           | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 13.03 | HBC        | Nguyễn Duy Nhật Minh  |                                                           | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 13.04 | HBC        | Nguyễn Duy Nhật Huy   |                                                           | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 13.05 | HBC        | Lê Ngọc Vân           |                                                           | Bố/ Father                       |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 13.06 | HBC        | Nguyễn Thị Thanh      |                                                           | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 13.07 | HBC        | Lê Ngọc Hưng          |                                                           | Em trai/ Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 13.08 | HBC        | Lê Viết Ngọc Bảo      |                                                           | Em trai/ Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 13.09 | HBC        | Lê Viết Ngọc Phương   |                                                           | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14    | HBC        | Đỗ Thị Thanh Huyền    | Thành viên Ban Kiểm soát/ Member of the Supervisory Board |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 25/4/2025                                                            |                                                                    |
| 14.01 | HBC        | Nguyễn Văn An         |                                                           | Chồng/ Husband                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.02 | HBC        | Nguyễn Đỗ Uyên Nhi    |                                                           | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.03 | HBC        | Nguyễn Đỗ Bảo Khanh   |                                                           | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.04 | HBC        | Đỗ Mạnh Báu           |                                                           | Bố/ Father                       |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.05 | HBC        | Nguyễn Thị Ngộ        |                                                           | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.06 | HBC        | Đỗ Thanh Tùng         |                                                           | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.07 | HBC        | Đỗ Thị Nga            |                                                           | Chị gái/ Sister                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.08 | HBC        | Trần Lợi              |                                                           | Anh rể/ Brother in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.09 | HBC        | Mai Thị Thu Thảo      |                                                           | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.1  | HBC        | Phan Thị Cẩm Châu     |                                                           | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.11 | HBC        | Đỗ Lễ                 |                                                           | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |

*nghe*



| STT   | Mã CK      | Họ và tên                | Chức vụ tại công ty                                          | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|-------|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.   | Stock code | Name                     | Position at the company                                      | Relationship to insider          | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| 14.12 | HBC        | Nguyễn Thị Thùy Linh     |                                                              | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.13 | HBC        | Đỗ Thị Định              |                                                              | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.14 | HBC        | Đỗ Thị Lệ                |                                                              | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.15 | HBC        | Hồ Ngọc Ẩn               |                                                              | Anh rể/Brother in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.16 | HBC        | Đỗ Huy Cường             |                                                              | Anh rể/Brother in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 14.17 | HBC        | Quang Anh Hải            |                                                              | Anh rể/Brother in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 15    | HBC        | Nguyễn Gia Bảo           | Thành viên Ban Kiểm soát/<br>Member of the Supervisory Board |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 25/4/2025                                                            |                                                                    |
| 15.01 | HBC        | Nguyễn Thành Trí         |                                                              | Bố/ Father                       |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 15.02 | HBC        | Huỳnh Thị Xuân Trang     |                                                              | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 15.03 | HBC        | Nguyễn Thiên Bảo         |                                                              | Em trai/ Brother                 |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 16    | HBC        | Nguyễn Công Thiện        | Phó Tổng Giám đốc/ Deputy CEO                                |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 1/8/2025                                                             |                                                                    |
| 16.01 | HBC        | Nguyễn Công Khanh        |                                                              | Bố/ Father                       |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 16.02 | HBC        | Nguyễn Thị Hải           |                                                              | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 16.03 | HBC        | Huỳnh Tú Ngọc            |                                                              | Vợ/wife                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 16.04 | HBC        | Nguyễn Đình Phước Nguyên |                                                              | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 16.05 | HBC        | Nguyễn Đình Phước Khải   |                                                              | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 16.06 | HBC        | Nguyễn Tấn Ích           |                                                              | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 16.07 | HBC        | Nguyễn Thị Kim Uyên      |                                                              | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 17    | HBC        | Nguyễn Đức Anh           | Giám đốc tài chính/Chief Financial Officer                   |                                  |                                 |                         |                  | 54,007                                          | 0.02%                                               | 8/9/2025                                                             |                                                                    |
| 17.01 | HBC        | Nguyễn Tiến Dũng         |                                                              | Bố/Father                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 17.02 | HBC        | Đặng Thị Hoa             |                                                              | Mẹ vợ/ Mother in law             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 17.03 | HBC        | Nguyễn Ngọc Hồng Vân     |                                                              | Vợ/wife                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |

| STT   | Mã CK      | Họ và tên              | Chức vụ tại công ty           | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|-------|------------|------------------------|-------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.   | Stock code | Name                   | Position at the company       | Relationship to insider          | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| 17.04 | HBC        | Nguyễn Phước Anh       |                               | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 17.05 | HBC        | Nguyễn Thị Hằng        |                               | Chị gái/ Sister                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18    | HBC        | Nguyễn Lâm Văn Trà     | Phó Tổng Giám đốc/ Deputy CEO |                                  |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | 1/11/2025                                                            |                                                                    |
| 18.01 | HBC        | Nguyễn Thịnh           |                               | Bố/Father                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.02 | HBC        | Lâm Thị Nga            |                               | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.03 | HBC        | Nguyễn Việt Bo         |                               | Bố vợ/ Father in law             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.04 | HBC        | Trần Thị Đệ            |                               | Mẹ vợ/ Mother in law             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.05 | HBC        | Nguyễn Thị Hồng Hải    |                               | Vợ/wife                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.06 | HBC        | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   |                               | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.07 | HBC        | Nguyễn Đăng Đạo        |                               | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.08 | HBC        | Nguyễn Lâm Thảo Trang  |                               | Em gái/Sister                    |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.09 | HBC        | Nguyễn Lâm Thảo Phương |                               | Em gái/Sister                    |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.10 | HBC        | Bùi Ngọc Anh           |                               | Em rể/ Brother in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 18.11 | HBC        | Nguyễn Trần Trí        |                               | Em rể/ Brother in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19    | HBC        | Lê Văn Viên            | Phó Tổng Giám đốc/ Deputy CEO |                                  |                                 |                         |                  | 4,210                                           | 0.00%                                               | 1/5/2024                                                             | 1/3/2025                                                           |
| 19.01 | HBC        | Hoàng Thị Lê           |                               | Vợ/wife                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.02 | HBC        | Lê Hoàng Tina          |                               | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.03 | HBC        | Lê Hoàng Lân           |                               | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.04 | HBC        | Lê A                   |                               | Bố ruột                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.05 | HBC        |                        |                               | Mẹ/ Mother                       |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | Đã mất                                                               |                                                                    |
| 19.06 | HBC        | Hoàng Anh Lụa          |                               | Bố vợ/ Father in law             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.07 | HBC        |                        |                               | Mẹ vợ/ Mother in law             |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     | Đã mất                                                               |                                                                    |
| 19.08 | HBC        | Lê Văn Nghĩa           |                               | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.09 | HBC        | Lý Tiểu Phụng          |                               | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.10 | HBC        | Lê Văn Trung           |                               | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |

*Handwritten signature*



| STT   | Mã CK      | Họ và tên             | Chức vụ tại công ty                         | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH              | Giấy NSH                | Ngày cấp         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ    | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ |
|-------|------------|-----------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| No.   | Stock code | Name                  | Position at the company                     | Relationship to insider          | Type of Shareholder Certificate | Shareholder Certificate | Date of issuance | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Date of commencement of being a related party/insider of the company | Date of cessation of being a related party/insider of the company  |
| 19.11 | HBC        | Nguyễn Thị Thu Hồng   |                                             | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.12 | HBC        | Lê Thị Nha            |                                             | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.13 | HBC        | Trần Thới             |                                             | Anh rể/ Brother in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.14 | HBC        | Lê Thị Tâm            |                                             | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.15 | HBC        | Nguyễn Khắc Nước      |                                             | Anh rể/ Brother in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.16 | HBC        | Lê Thị Kim Trâm       |                                             | Em gái/Sister                    |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 19.17 | HBC        | Khâu Thành Khánh      |                                             | Em rể/ Brother in law            |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20    | HBC        | Huỳnh Tấn Quốc        | Phó Tổng Giám đốc/ Deputy CEO               |                                  |                                 |                         |                  | 7,176                                           | 0.00%                                               | 1/3/2025                                                             | 4/6/2025                                                           |
| 20.01 | HBC        | Nguyễn Thị Hoa        |                                             | Mẹ/Mother                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20.02 | HBC        | Phạm Thị Vân Kiều     |                                             | Vợ/wife                          |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20.03 | HBC        | Huỳnh Bảo Ngọc        |                                             | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20.04 | HBC        | Huỳnh Gia Hân         |                                             | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20.05 | HBC        | Huỳnh Thanh Tân       |                                             | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20.06 | HBC        | Võ Thị Thu Thủy       |                                             | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20.07 | HBC        | Huỳnh Công Đoàn       |                                             | Anh trai/ Brother                |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20.08 | HBC        | Ngô Lê Thanh Thủy     |                                             | Chị dâu/ Sister in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20.09 | HBC        | Huỳnh Thị Kim Mai     |                                             | Chị gái/Sister                   |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 20.10 | HBC        | Đặng Văn Thuật        |                                             | Anh rể/ Brother in law           |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 21    | HBC        | Vũ Thị Hòa            | Thành viên HĐQT độc lập/ Independent member |                                  |                                 |                         |                  | -                                               |                                                     | 27/06/2023                                                           | 25/4/2025                                                          |
| 21.01 | HBC        | Hoàng Thị Thanh Thủy  |                                             | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 21.02 | HBC        | Hoàng Thiệu Thanh     |                                             | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 21.03 | HBC        | Nguyễn Thị Thảo Quyên |                                             | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |
| 21.04 | HBC        | Hoàng Thị Thanh Thủy  |                                             | Con/Child                        |                                 |                         |                  |                                                 |                                                     |                                                                      |                                                                    |